

TS. TRẦN XUÂN KIÊN

**CÁC GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VIỆT NAM THẾ KỶ XXI**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2003

MỤC LỤC

Trang

- Đẩy mạnh hoạt động thực tiễn, phát triển lý luận xây dựng CNXH ở Việt Nam. 5
- Phát triển kinh tế trang trại trong tiến trình CNH, HĐH đất nước. 15
- Khích lệ khát vọng đầu tư của cộng đồng Việt Nam. 23
- Chiến lược khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống để thúc đẩy tiến trình CNH, HĐH ở Việt Nam trong thế kỷ XXI. 31
- Các giải pháp để xóa đói giảm nghèo cho phụ nữ Việt Nam. 38
- Kích cầu để nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hoá cho các doanh nghiệp, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. 44
- Khai thác, phát huy vốn trí tuệ - Nguồn lợi thế cạnh tranh số 1 của Việt Nam trong thế kỷ XXI. 54

• Chiến lược phát triển giáo dục và khoa học công nghệ của Việt Nam trong thế kỷ XXI.	66
• Cách mạng năng suất trong các doanh nghiệp - yếu tố quyết định thăng tiến của nền kinh tế Việt Nam.	79
• Chiến lược cán bộ Việt Nam trong thế kỷ XXI	88
• Tiến cử, cất nhắc nhân tài	96
• Bãi bỏ cơ chế xin - cho để tài năng của cả cộng đồng được phát huy.	104
• Đổi mới hệ thống quản lý nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường nội địa và quốc tế.	112
• Chiến lược phát triển kinh tế tri thức Việt Nam trong thế kỷ XXI.	120
• Triển vọng của nền kinh tế Việt Nam.	136

ĐẨY MẠNH TỔNG KẾT THỰC TIỄN, PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN XÂY DỰNG CNXH Ở VIỆT NAM

Chúng ta đang bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đây là một sự nghiệp vô cùng to lớn, đòi hỏi mỗi người dân đến các nhà quản lý cao cấp phải trăn trở, tìm tòi, vừa nghiên cứu trong sách vở, nghiên cứu thực tiễn của đất nước, vừa chắt lọc những kinh nghiệm quý giá trong sự phát triển kinh tế xã hội của các nước khác để phát triển đất nước mình. Chính vì thế nghị quyết TƯ5, khóa IX đã chỉ rõ: "Coi trọng việc tổng kết thực tiễn trong nghiên cứu lý luận và trong hoạt động của các cấp ủy Đảng; coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành; gắn nghiên cứu thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại. Từ nay đến Đại hội X, cần tập trung

ngiên cứu những vấn đề sau: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới; phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực; đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức; những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa; dự báo các xu thế phát triển chủ yếu của thế giới và khu vực; những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch".

Hàng loạt những vấn đề đang bức xúc đặt ra, đòi hỏi các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà hoạt động xã hội phải đầu tư nghiên cứu ở tầng sâu bản chất, giải đáp trên bình diện sâu hơn, có những kiến giải và dự đoán ở tầm xa 5, 10, 15, 30 năm tới, chứ không chỉ dừng lại ở bề mặt của các quá trình, hiện tượng kinh tế, chính trị, xã hội. Do đó đã đến lúc chúng ta không thỏa mãn với một số kết quả nghiên cứu về một số vấn đề nhất định trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội như hiện

nay mà phải đầu tư khích lệ các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội đi sâu hơn nữa vào thực tiễn trong nước và thế giới, để luôn cung cấp kịp thời cho Đảng và Nhà nước những công trình nghiên cứu có quy mô tầm cỡ lớn hơn, khái quát từ những diễn biến sinh động của thực tiễn kinh tế - xã hội của đất nước trên cơ sở tính đến những tương tác của các quan hệ và xu hướng lớn của quá trình toàn cầu hóa. Gần 20 năm đổi mới đã tạo ra những mô hình sống động trong sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và cả trong lĩnh vực hành chính; điều quan trọng là các nhà khoa học cần phải được khuyến khích và được đầu tư trí tuệ, công sức, của cải và cơ chế cho việc tổng kết những mô hình có hiệu quả từ thực tiễn để phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Có thể nói trong thời gian qua, khoa học xã hội đã có những cống hiến rất lớn trong việc tư vấn cho Đảng và Nhà nước những vấn đề quan trọng như:

- Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Vai trò của kế hoạch và thị trường.

- Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN.

- Đổi mới sở hữu trong công nghiệp và nông nghiệp.

- Phát triển khoa học công nghệ.

- Phát triển giáo dục đào tạo.

- Khai thác các di sản văn hóa.

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội...

- Dự báo xu thế phát triển thế giới...

- Về nền hành chính Việt Nam...

Những đóng góp đó đã góp phần quan trọng trong việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong những năm qua. Song trong bối cảnh phát triển như vũ bão của kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa trên thế giới thì rất nhiều các vấn đề cần được chúng ta giải đáp sâu sắc hơn, có cơ sở khoa học vững chắc hơn; điều đó đang đòi hỏi khoa học nói chung và khoa học xã hội phải đầu tư nhiều hơn nữa để tăng cường khảo sát thực tiễn sinh động đang diễn ra trên đất nước ta. Cần phải nghiên cứu kỹ các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả như: mô hình

Hiệp hội mía đường Lam Sơn - Thanh Hóa; mô hình nông trường sông Hậu; mô hình doanh nghiệp tin học FPT; cà phê Trung Nguyên, Lioa, sữa Vinamilk..., mô hình một số Viện nghiên cứu gắn với đào tạo; mô hình các hội nghề nghiệp; mô hình các Viện nghiên cứu phi Chính phủ gắn với nghiên cứu và đào tạo; mô hình cải cách hành chính gắn với "một cửa một dấu" thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương; mô hình quy hoạch cán bộ ở Tuyên Quang và một số nơi...; mô hình khu công nghiệp Tân Tạo; mô hình phát triển kinh tế trang trại ở Hà Giang; mô hình khuyến khích đầu tư ở Bình Dương; mô hình một số doanh nghiệp tư nhân làm ăn giỏi...

Hàng loạt các mô hình năng động đó đòi hỏi được đầu tư kinh phí, công sức, trí tuệ, khảo sát, hội thảo để đánh giá các mô hình đó có hiệu quả kinh tế - xã hội hay không, nó có triển vọng như thế nào từ đó xây dựng thành lý luận; in ấn xuất bản thành các chuyên san, sách báo, tạp chí... phổ biến cho mọi địa phương học tập, để bổ sung mô hình cho hoàn chỉnh và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh, mô hình nghiên cứu hiệu quả, bổ sung cho lý luận về xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Có thể nói, con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam là rất mới mẻ, vì thế việc đẩy mạnh nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng của các lãnh tụ của Đảng ở tầng sâu bản chất và phương pháp luận sáng tạo của các vị, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn trong nước là hết sức bức xúc. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải mạnh dạn cử nhiều cán bộ đi thăm quan, nghiên cứu toàn diện các mô hình kinh tế phát triển của những quốc gia tiêu biểu trên thế giới, nghiên cứu kỹ các mô hình của họ, xem những yếu tố nào hay và phù hợp với Việt Nam thì áp dụng một cách có sáng tạo vào việc xây dựng lý luận tổng quát về lộ trình đi lên CNXH và hệ thống hành chính có hiệu quả, năng động của Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Để tăng cường tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, xây dựng CNXH ở Việt Nam, *chúng ta cần thực hiện các giải pháp sau:*

1. Các cấp ủy Đảng phải coi việc đẩy mạnh nghiên cứu thực tiễn ở trong nước và thế giới là vấn đề bức xúc, từ đó đầu tư kinh phí, đề tài, chương trình và kiên quyết trong việc tổ chức, thực hiện; nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, phát

triển lý luận của đội ngũ khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

2. Nâng cao trình độ nghiên cứu, trình độ tổng kết, phát triển lý luận cho cán bộ đảng viên.

3. Đầu tư hơn nữa cho các đề tài về xây dựng CNXH, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu về các chương trình mà cuộc sống đang bức xúc đòi hỏi phải giải đáp:

- Con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam.

- Đổi mới sở hữu ở Việt Nam.

- Nghiên cứu, tạo dựng thị trường lao động, thị trường nhân lực khoa học công nghệ, sao cho mọi công chức, viên chức được tự do luân chuyển đến nơi nào họ có điều kiện phát huy tài năng của họ.

- Cải cách hệ thống hành chính ở Việt Nam nhằm tạo dựng một hệ thống hành chính gọn nhẹ, hiệu quả, năng động, có cơ chế tự điều chỉnh một cách nhanh nhạy.

- Đổi mới kinh tế quốc doanh.

- Phát triển kinh tế dân doanh.

- Đảng viên có được làm kinh tế tư nhân không?

- Phát triển các Hiệp hội nghề nghiệp.
- Phát triển giáo dục và khoa học công nghệ.
- Phát triển kinh tế tri thức.
- Hoạch định chiến lược và quy trình cất nhắc nhân tài.
- Nghiên cứu quan hệ kinh tế quốc tế.
- Nghiên cứu phương pháp luận tổng kết thực tiễn.

4. Kế thừa những tinh hoa của khoa học xã hội ở Việt Nam và phương Đông, nhất là khoa học nghiên cứu về tiềm năng con người, về trọng dụng nhân tài, tiến cử nhân tài.

5. Phải mạnh dạn giao các đề tài nghiên cứu cho các Viện phi chính phủ, cho các nhà khoa học trẻ 30 - 45 tuổi; mạnh dạn mời các nhà khoa học trẻ tham gia vào các hoạt động tư vấn.

6. Phải tổng kết ngay tất cả các đề tài, chương trình khoa học xã hội trong những năm qua đã tổng kết, phát triển lý luận về CNXH đến đâu? Những vấn đề gì còn chưa giải quyết? Những hướng nào cần đầu tư nghiên cứu, thời gian nào cần xác lập xong cơ sở lý luận của vấn đề đó?...

7. Xây dựng quy trình cất nhắc nhân tài trong các lĩnh vực sao cho người lãnh đạo các cấp phải có trách nhiệm tiến cử, cất nhắc nhân tài: mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ tuổi từ 30 đến 45 trong hệ thống các cơ quan nghiên cứu về khoa học nói chung và khoa học xã hội nói riêng cũng như ở mọi cấp, mọi ngành trong hệ thống Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp: cần mạnh dạn đề bạt các cán bộ trẻ để họ sớm có điều kiện thực hiện các ý tưởng quản lý, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển của đất nước.

8. Xây dựng một hệ thống thư viện mạnh ở mọi cấp, mọi địa phương để mọi người dân bình thường cũng có điều kiện tự nghiên cứu, tự học suốt đời, tự tham gia vào quá trình tổng kết phát triển lý luận. Nhiều người dân bình thường khi có nhiều tư liệu tốt họ có thể có những đóng góp tích cực cho tổng kết thực tiễn.

9. Đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu tổng kết, phát triển lý luận.

10. Sớm ban hành quy chế dân chủ trong sáng tạo khoa học.

11. Có chính sách phát triển khoa học xã hội tới từng địa phương, tỉnh, huyện, xã.

12. Đầu tư kinh phí cho xuất bản các sách phổ biến về khoa học tự nhiên và xã hội.

13. Tạo điều kiện cho các hiệp hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp các Viện nghiên cứu phi chính phủ được xuất bản, in ấn tạp chí theo Luật Khoa học công nghệ, Luật xuất bản; bãi bỏ cơ chế "xin - cho"; cấp giấy phép của Bộ Văn hóa thông tin vì như vậy khá nhiều kê, không khuyến khích phổ cập thành tựu nghiên cứu về khoa học và thúc đẩy tổng kết thực tiễn.

14. Nghiên cứu cơ chế để tổ chức triển khai, thực thi các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước một cách hiệu quả; đây là cơ chế cực kỳ quan trọng để biến Chỉ thị, Nghị quyết thành sức mạnh trong thực tiễn.

15. Đẩy mạnh việc cải tiến các bộ sách giáo khoa về khoa học xã hội theo hướng tích cực hơn, chất lượng hơn, tránh giáo điều, tránh kinh viện, mà phải nâng cao giải pháp, nâng cao năng lực tư duy và phương pháp sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu của mọi người dân. Có như vậy chúng ta mới hy vọng phát triển lý luận xây dựng CNXH ở Việt Nam phù hợp với những bước tiến lớn lao của Việt Nam trong thế kỷ thứ XXI.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, dứt khoát chúng ta phải đầu tư công sức, vốn, trí tuệ, thị trường cho phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm thúc đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp. Trong quá trình đó chúng ta phải khuyến khích việc tích tụ ruộng đất, tích tụ vốn để hình thành các hộ gia đình làm ăn giỏi, hình thành các trang trại để tạo ra tỷ suất hàng hóa lớn.

Theo số liệu chưa đầy đủ của Hội Làm vườn Việt Nam các địa phương và tổng hợp ban đầu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố, thì đến đầu năm 2002 này ở tất cả 61 đơn vị tỉnh, thành phố trong cả nước đã có hơn

100 nghìn trang trại với nhiều hình thức và quy mô khác nhau.

Nhìn chung, các trang trại ở miền Bắc thường có quy mô nhỏ từ vài mẫu đến vài héc ta trung bình 5 - 7 héc ta và cao là từ vài chục đến trên dưới 100 héc ta, cá biệt có trang trại 500 héc ta đến gần 1000 héc ta.

Nhờ đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nên các địa phương, nhất là các địa phương thuộc vùng trung du và miền núi đã khai thác thế mạnh về đất đai, thực hiện giãn bản, tách hộ, dồn ghép ruộng đất, chuyển đổi cho nhau để có những khu ruộng rộng hơn, thực hiện chủ trương phát triển mạnh mô hình kinh tế trang trại chẳng hạn. Trong những năm qua, tỉnh Yên Bái đã chỉ đạo tất cả 9 huyện, thị xã xây dựng được 11.729 trang trại, chiếm 11% trong tổng số hộ nông dân toàn tỉnh, trong đó 67% số trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp theo mô hình VAC hoặc Vườn, ao, chuồng, rừng. Yên Bái cũng đã phân loại quy mô diện tích để chỉ đạo, hướng dẫn từng loại trang trại phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp khả năng và trình độ quản lý của mình.

Tỉnh Bắc Giang đã giao đất cho hơn 1.700 hộ nông dân nhất là những vùng đồi trồng cây ăn quả: Vải, nhãn... và đang tạo mọi điều kiện cho đồng bào các dân tộc phát triển mô hình kinh tế trang trại ở tất cả các vùng, các huyện trong tỉnh.

Tỉnh Sơn La có phong trào giãn bản, tách hộ, dồn ghép ruộng đất đẩy mạnh việc giao đất cho nông dân và vận động bà con các dân tộc tạo lập trang trại. Toàn tỉnh hiện đã có hơn 5000 hộ nông dân, hội viên Hội làm vườn tạo lập trang trại, trong đó thị xã Sơn La đã có 1.200 trang trại. Các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu, Thanh Hóa, Bình Dương, Bình Phước... cũng đã kết hợp việc giao đất, giao rừng, phát triển kinh tế gia đình với tạo lập trang trại gắn với xóa đói giảm nghèo, định canh, định cư... đạt kết quả tốt. Riêng tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng hơn 11000 trang trại.

Ninh Thuận là tỉnh mới tái lập mà đã xây dựng được hơn 1000 trại và trang trại chuyên sản xuất hàng hóa nông sản, thủy sản, chăn nuôi gia súc... Nhìn chung vốn đầu tư, số lượng lao động, cách quản lý, khối lượng nông sản hàng hóa, thu nhập và lợi nhuận... của các trang trại VAC hơn

hẳn so với hộ tiểu nông trong vùng và so với gia đình họ trước khi tạo lập trang trại.

Các chủ trại và trang trại ở Ninh Thuận có số vốn sản xuất kinh doanh thấp nhất là 30 triệu đồng, trang trại lớn là trên dưới một tỷ đồng, giá trị nông sản hàng hóa đạt bình quân hơn 30 triệu đồng/ năm/ trang trại, có không ít trang trại đạt hơn một tỷ đồng. Các trang trại ở đây đã biết khai thác ưu thế của địa phương mình, phát triển mạnh hai lĩnh vực chính là nuôi gia súc có sừng và nuôi trồng thủy đặc sản, cho nên giá trị sản phẩm hàng hóa và thu nhập khá cao. Riêng về chăn nuôi gia súc có sừng, toàn tỉnh đã có 513 trang trại bò có quy mô từ 30 con trở lên mỗi trang trại, trong đó 210 trang trại đã nuôi 50 con đến 1000 con, 134 trang trại nuôi dê, cừu, bình quân từ 59 con trở lên, trong đó 44 trang trại nuôi từ 100 con đến 1400. Trang trại ông Hán Ba ở xã Phước Nam (huyện Ninh Phước) đã nuôi 1000 con bò, 200 con dê, 200 con cừu và 21 con ngựa. Đàn gia súc có sừng của các chủ trang trại quản lý chiếm 60% trong tổng đàn bò và 70% trong tổng đàn dê của tỉnh Ninh Thuận.

Còn Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định giao cho

Hiệp hội VACVINA Bình Định phối hợp với các tổ chức có liên quan, chọn điểm để kiểm tra, nghiên cứu tổng kết 10 mô hình trang trại ở nông thôn. Tính bình quân mỗi trang trại có 16,5 héc ta, thấp nhất là 5 héc ta và cao nhất là 27 héc ta. Trong đó có hai trang trại là nhóm hộ lập theo hình thức trang trại cổ phần, một hình thức mới, một nhân tố mới trong loại hình kinh tế mới này. Bình quân thu nhập của mỗi trang trại là 188 triệu đồng/năm, với mức lợi nhuận đạt hơn 91 triệu đồng.

Mô hình kinh tế tiểu trang trại cũng đang phát triển ở các tỉnh như: Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum. Ở những tỉnh này cũng như các huyện ven đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng đang đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các trang trại vừa và nhỏ góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tất nhiên việc hình thành các trang trại một mặt thúc đẩy quá trình tích tụ vốn, đất đai, mặt khác cũng tạo ra sự cách biệt thêm do sự phân hóa giàu, nghèo ở mức độ được số ruộng đất tối thiểu cho các hộ gia đình để đảm bảo cuộc sống cho người dân trong khi vẫn khuyến khích tích tụ phần ruộng đất có thể chuyển nhượng được để hình thành các trang trại

lớn. Tất nhiên có rất nhiều mô hình trang trại khác nhau và có nhiều trang trại không nhất thiết phải có nhiều đất đai; đối với những trang trại này họ chăn nuôi lợn, gà, bò, ba ba... Có thể nói việc hình thành các trang trại sẽ đem lại những lợi ích sau đây:

1 - Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, tích tụ vốn.

2 - Nâng cao trình độ thâm canh.

3 - Tạo điều kiện để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

4 - Sử dụng nhân công hiệu quả hơn.

5 - Thu hút vốn nhàn rỗi trong các hộ gia đình và các kênh khác để mở rộng sản xuất.

6 - Tạo điều kiện để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

7 - Góp phần tạo ra sự phát triển bền vững cho nền kinh tế.

Để thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển cần phải thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất: Các cấp ủy, chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa tới vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành các trang trại, tích cực

nhân rộng các gương làm giàu ở địa phương cũng như ở các tỉnh khác.

Thứ hai: Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa cho những dự án phát triển nông nghiệp. Phải coi nông nghiệp chính là lĩnh vực phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ ba: Cần tích cực phổ biến những kiến thức chuyển dịch cơ cấu kinh tế và kinh tế trang trại cho bà con nông dân, cần phải hình thành nhiều trang trại từ những địa phương đất chật người đông; chẳng hạn họ mở trang trại chăn nuôi lợn với hàng trăm con mà không cần nhiều đất đai.

Thứ tư: Đẩy mạnh việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường, trạm, chợ, thư viện...).

Thứ năm: Cần có chính sách đất đai thông thoáng hơn, giao quyền sử dụng đất lâu dài từ 100 - 150 năm để họ yên tâm.

Thứ sáu: Đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Thứ bảy: Ngân hàng cần giảm bớt thủ tục, hãy vì sự phát triển của các trang trại mà đến khảo sát, tư vấn, hỗ trợ vay vốn dễ dàng cho các chủ trang trại.

Thứ tám: Các Viện nghiên cứu, nhất là viện nghiên cứu của các viện phi chính phủ nên tích cực giúp những trang trại kiến thức quản lý, thiết lập thị trường tiêu thụ.

Thứ chín: Các chủ trang trại nên tích cực tham gia vào các câu lạc bộ ở Trung ương và địa phương để giúp nhau trong sản xuất kinh doanh.

Thứ mười: Các doanh nghiệp công nghiệp ở các thành phố lớn nên quay trở về nông thôn bán chịu, bán trả góp các máy móc, tư liệu sản xuất cho nông dân.

Thứ mười một: Phải biến những trang trại trở thành những trung tâm kinh tế, văn hóa thu hút việc làm và tạo ra sự văn minh cho các vùng quê.

Đó là những giải pháp mà chúng ta cần phải tính đến để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng cường tích tụ ruộng đất, tích tụ vốn, sử dụng hợp lý hơn số lao động nhàn rỗi từ nông thôn, phát huy tối đa nội lực từ chính nông nghiệp, nông thôn để tạo ra một nền kinh tế bền vững, có khả năng cạnh tranh tốt hơn trong khu vực và quốc tế.

KHÍCH LỆ KHÁT VỌNG ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

Công cuộc đổi mới càng tiến vào chiều sâu càng đòi hỏi sự nỗ lực của mọi người dân cho đến những nhà lãnh đạo đồng tâm hiệp lực để phục vụ cho công cuộc tái thiết nền kinh tế. Công cuộc đó sẽ thực hiện có hiệu quả nếu chúng ta động viên khích lệ được cả cộng đồng dân cư sẵn sàng có ước muốn chắt chiu từng đồng xu để tham gia đầu tư kiến thiết đất nước. Mỗi người, mỗi nhà và cả quốc gia đều nuôi dưỡng một tinh thần liên tục ưu tiên cho đầu tư phát triển thì chúng ta mới có hy vọng giành được những kết quả lớn hơn nữa trong sự nghiệp phát triển nền kinh tế của Việt Nam. Vậy làm thế nào để gia tăng công việc đầu tư trong mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp và cả quốc gia. Điều

này tưởng như to tát, nhưng thực ra mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp đều có thể tìm thấy giải pháp ưu tiên cho đầu tư của mình. Chẳng hạn, với người ít tiền thì chất chiu tiết kiệm đầu tư vào sản xuất, không lãng phí mua các tiện nghi sinh hoạt, xây đắp nhà cửa mà ưu tiên dùng những đồng vốn ít ỏi đó cho chăn nuôi, cho mở cửa hàng, đầu tư vào buôn bán... thay cho việc mua những tiện nghi sinh hoạt, đối với mỗi doanh nghiệp là việc ưu tiên đầu tư cho các xưởng sản xuất, đổi mới các trang thiết bị máy móc thay vì mua sắm các bàn ghế sang trọng hay mua quá nhiều ô tô, chi nhiều cho tiệc tùng, thăm hỏi... Đối với quốc gia thì phải tập trung ngân sách, ưu tiên cho những lĩnh vực thiết yếu như ưu tiên cho năng lượng, giáo dục, giao thông, bưu chính viễn thông, y tế thay cho việc xây dựng quá nhiều trụ sở, lãng phí các văn phòng, lãng phí quá nhiều xe cộ... Chừng nào mà chúng ta khích lệ được khát vọng về đầu tư một cách rộng khắp trong cộng đồng dân cư trong nước và các cộng đồng người Việt Nam sống ở nước ngoài hướng về đất nước thì chừng đó tài nguyên, sức lao động, đất đai và máy móc trên đất nước ta mới có

cơ may sử dụng hiệu quả để thu về những trái ngọt trong tương lai. Nói một cách khác ưu tiên cho đầu tư phát triển chính là mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp đang chắt chiu những đồng xu, biết tạm thời hy sinh một số nhu cầu sinh hoạt không cần thiết để đầu tư cho tương lai. Đó là một sự chấp nhận để giành lấy những lực lượng sản xuất mới. Theo những số liệu thống kê cho biết hiện nay ở Việt Nam có hơn 10 triệu hộ nông dân đang đảm nhiệm phần chủ yếu của các hoạt động kinh tế trên địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, chúng ta cũng có tới hơn 793.000 đơn vị kinh tế gia đình cá thể, tiểu chủ đang hoạt động tại địa bàn thành thị với số vốn bình quân từ 10 đến 100 triệu đồng / 1 đơn vị. Hiện nay chúng ta đã có khoảng 16.000 doanh nghiệp tư nhân, 5.925 Công ty trách nhiệm hữu hạn, 143 Công ty cổ phần. Chỉ trong vòng 5 năm từ năm 1991 đến năm 1995, số vốn đầu tư vào loại hình doanh nghiệp tư nhân đã tăng hơn 200 lần, còn đầu tư vào loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn thì tăng khoảng 40 lần. Theo nhiều số liệu cho biết, khu vực doanh nghiệp Nhà nước đang được đầu tư củng cố sắp xếp lại, giảm về

số lượng (từ 12.279 doanh nghiệp vào năm 1989 còn 6.480 vào năm 1995) nguồn vốn lại tăng lên từ 34.000 tỷ đồng năm 1989 lên 63.000 tỷ đồng năm 1994. Theo tác giả Lê Đăng Doanh và Đinh Đức Sinh thì trong tổng số đầu tư của khu vực doanh nghiệp Nhà nước, phần doanh nghiệp tự đầu tư tăng lên khá nhanh, từ 420 tỷ đồng năm 1990 tăng lên tới 2418 tỷ đồng năm 1993 và năm 1995 khoảng trên 2500 tỷ đồng.

Như vậy, có thể nói rằng xu thế gia tăng đầu tư đang là một xu thế rất tốt ở Việt Nam, mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp và cả quốc gia đang quan tâm đến xu hướng này. Tuy nhiên để đạt được kết quả cao hơn nữa thì Chính phủ cần phải có những biện pháp khuyến khích sau đây:

- 1- Mở rộng mạng lưới quỹ tín dụng cho các hộ nghèo vay vốn để kinh doanh.

- 2- Giảm thuế cho những cá nhân, những doanh nghiệp nào đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống và những vùng rừng núi, vùng cao, vùng nông thôn xa xôi, hẻo lánh...

3 - a/ Tăng khấu hao cho những công ty đang đầu tư mua sắm những thiết bị dùng cho nghiên cứu, phát triển thực nghiệm, tiết kiệm hoặc thay thế nguồn năng lượng phải khấu hao nhanh trong 2 năm.

b/ Điều chỉnh kết cấu ngành, cải tiến các kỹ thuật tìm ra phương pháp sản xuất những thiết bị cơ khí hiện đại...

4. Giảm thuế doanh thu hoặc thuế tổng hợp cho những cá nhân, những doanh nghiệp nào có những nội dung sau:

a/ Đầu tư cho các vùng nghề kém phát triển, tăng số công nhân lên, tạo việc làm cho nhân dân ở vùng đó lên một mức độ nhất định sẽ được giảm thuế thu nhập trong khoảng 20% đến 30% tổng mức đầu tư.

b/ Đầu tư vào những kỹ thuật quan trọng hoặc đầu tư vào để xây dựng những ngành công nghiệp mới có triển vọng cho nền kinh tế sẽ giảm thuế thu nhập hoặc thuế tổng hợp từ 20 - 30% số vốn đầu tư trong khoảng thời gian từ 2 - 5 năm.

c/ Giảm thuế doanh thu từ 10 - 30% vốn đầu tư cho các thiết bị tự động hóa sản xuất, phòng chống ô nhiễm, nghiên cứu phát triển, bồi dưỡng nhân tài và sản xuất ra những mặt hàng có sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế.

5 - Khấu trừ mức thuế cho những việc làm đầu tư về nước. Chẳng hạn, thuế thu nhập chỉ tính trong khoảng 20 - 25% lãi cổ phần và lãi kinh doanh.

6 - Có chính sách ưu tiên vay vốn cho những Công ty Việt Nam đầu tư ra nước ngoài để thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam hội nhập vào thương trường quốc tế.

7 - Khuyến khích việc tích tụ và tập trung vốn của các Công ty. Chẳng hạn, sẽ không đánh thuế hoặc đánh thuế rất ít đối với các doanh nghiệp dùng một phần lợi nhuận để tái đầu tư hoặc một số Công ty tự nguyện sáp nhập lại với nhau thành những công ty lớn để tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

8 - Cho phép Công ty giữ lại lãi đối với những

Công ty nếu Chính phủ yêu cầu Công ty đó tăng gấp đôi số vốn ban đầu thì Công ty đó sẽ giữ lại lãi, phần vượt trên sẽ đánh thuế doanh thu 10%.

9 - Khuyến khích phổ biến các hình thức hùn vốn dân gian như chơi họ, chơi bát, chơi hội đồng niên... để tăng số vốn đầu tư cho mọi người.

10 - Giảm bớt tối đa các thủ tục vay vốn của hệ thống ngân hàng, ngân hàng phải chủ động đến với dân, tư vấn cho họ, tạo điều kiện cho người dân vay.

11 - Có chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân về đất đai, mặt bằng bình đẳng đối với các doanh nghiệp Nhà nước để họ có điều kiện tham gia tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Những chính sách đó phải được dựa trên một nền tảng hệ thống hành chính được kiện toàn một cách mạnh mẽ hơn và nền thương mại Việt Nam phải được mở cửa hơn nữa với nền thương mại quốc tế.

Chỉ trên một hệ thống chính sách kinh tế mở cửa trong khu vực kinh tế nội địa và với nền kinh

tế thế giới chúng ta mới hy vọng đẩy mạnh tốc độ đầu tư trong nước và nước ngoài lên một tốc độ đột biến nhằm gia tốc mạnh mẽ nền kinh tế Việt Nam hội nhập vào đội ngũ những quốc gia có nền công nghiệp phát triển.

CHIẾN LƯỢC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐỂ GÓP PHẦN THÚC ĐẨY TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

Việt Nam đang thực hiện một lộ trình đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong lộ trình đó cần phải khai thác thế mạnh về nhân lực, tài nguyên, chất xám, những kinh nghiệm tay nghề truyền thống ở các làng nghề kết hợp với thị trường quốc tế..., tất cả những yếu tố đó sẽ tạo ra một nội lực mới cho phát triển. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, những làng nghề truyền thống của Việt Nam đã tích tụ những kinh nghiệm có giá trị, được hun đúc trong những làng

nghề dưới bàn tay tài hoa của các nghệ nhân, của nhiều thế hệ đã tạo ra những sản phẩm nổi tiếng: làng giấy Phong Khê - Bắc Ninh; lụa Hà Đông; rượu làng Vân - Bắc Ninh; đồ gỗ Đồng Kỵ - Bắc Ninh; đồ đồng Đại Bái - Bắc Ninh; đồ chạm bạc ở Thái Bình và cũng như hàng ngàn làng nghề khác ở Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Tuyên Quang và khắp các địa phương của cả nước. Các làng nghề đó có các lợi thế sau:

- Tạo công ăn việc làm và thu nhập cho hàng trăm người mỗi làng.

- Thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng văn minh làng xã, thậm chí hình thành một số khu công nghiệp nhỏ ở xã như khu công nghiệp giấy ở xã Phong Khê tỉnh Bắc Ninh.

- Phát triển thị trường ra cả nước và quốc tế.

- Thúc đẩy các làng nghề khác phát triển.

- Tạo ra một truyền thống quý báu cho quê hương.

- Tạo ra nhiều hàng hóa với mẫu mã đẹp, nâng cao uy tín Việt Nam trên trường quốc tế (Ví dụ: lụa Hà Đông, đồ gỗ Đồng Kỵ).

Hiện nay các làng nghề còn gặp phải những khó khăn gì?

1. Kết cấu hạ tầng ở các làng nghề còn lạc hậu (đường sá, mạng lưới điện, hệ thống vệ sinh môi trường kém).

2. Các địa phương chưa có một chiến lược tổng thể đầu tư khai thác, phát huy các làng nghề đó.

3. Còn ít các doanh nghiệp đầu tư trên lĩnh vực này.

4. Chính phủ chưa có một chính sách hỗ trợ rõ ràng cho hệ thống làng nghề cả nước.

5. Nhiều kinh nghiệm, tay nghề quý báu của các nghệ nhân đã mai một mà ít có những lớp đào tạo để phổ biến, gìn giữ, nâng cao tay nghề.

6. Thị trường tiêu thụ còn nhỏ, chiến lược tiếp thị kém.

7. Trình độ quản lý kinh tế hiệu biết pháp luật của các chủ hộ gia đình sản xuất ở các làng nghề yếu.

8. Các làng nghề đều thiếu vốn sản xuất.

9. Giá thành của sản phẩm các làng nghề còn cao.

10. Các tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế còn ít quan tâm đầu tư đến các làng nghề.

Từ những vấn đề đặt ra đó để phát triển mạnh các làng nghề Việt Nam trong thời gian tới, chúng ta cần có những giải pháp sau:

- Nhà nước phải có một chiến lược đầu tư phát triển các làng nghề.

- Từng địa phương phải có chính sách thúc đẩy làng nghề phát triển.

- Các tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế cần quan tâm hơn nữa tới làng nghề.

- Phải tăng cường các lớp tập huấn về quản lý, vốn, quản lý nhân lực, kiến thức pháp lý, kiến thức môi trường cho các làng nghề.

- Tạo điều kiện cho các làng nghề vay vốn dễ dàng.

- Bộ Thương mại, các tổ chức phi Chính phủ Việt Nam và quốc tế cần hỗ trợ thông tin, mối quan hệ để các làng nghề xuất khẩu hàng hóa ra thế giới.

- Phải thành lập một số khu công nghiệp nhỏ ở các làng nghề.

- Giải quyết vấn đề môi trường cho các làng nghề.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các làng nghề.

- Gắn công nghệ thông tin và những thành tựu khoa học công nghệ mới vào phát triển các làng nghề.

- Các làng nghề cũng phải tìm cách giảm chi phí sản xuất các hàng hóa để thắng cuộc trong cuộc cạnh tranh với các hàng hóa của khu vực ASEAN vào giai đoạn bãi bỏ 50% dòng thuế (2003) và 100% dòng thuế (2006).

- Liên kết với các tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế; thành lập các Câu lạc bộ tay nghề trong các làng nghề.

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CHO PHỤ NỮ VIỆT NAM

Việt Nam đang bước vào xa lộ của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên con đường đó có vô số những việc phải làm: Phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng thị trường ra thế giới, mở rộng các mối bang giao, chấn hưng giáo dục, phát triển mạng lưới thông tin, trọng dụng nhân tài, hiện đại hóa các công cụ sản xuất... và đặc biệt là phải xóa đói giảm nghèo cho các địa phương để tiến tới một sự giàu có chung cho cả cộng đồng. Đây là một vấn đề có tầm chiến lược cho cả quốc gia trong thế kỷ XXI, bởi vì trên lộ trình để trở thành một quốc gia giàu có, tất yếu chúng ta phải có một hệ thống các biện pháp khả dụng để xóa nghèo đói một cách thiết thực và nhanh chóng. Đây là một bài toán hết sức quan trọng, tạo niềm tin, động lực lớn cho

những gia tốc theo sự phát triển của nền kinh tế. Bài toán này đòi hỏi có sự trăn trở thật sự của các cấp quản lý từ địa phương đến Trung ương nhằm hoạch định các giải pháp thật trúng cho các địa phương. Những kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ ra rằng, các yếu tố quyết định trong việc cải thiện thu nhập của người nghèo nói chung và phụ nữ nói riêng ở nông thôn và miền núi không chỉ là không gian, năng lượng, đất đai, mà cái chính là phải cải thiện nhận thức, cách làm kinh tế của cộng đồng dân cư ở các địa phương đó. Để xóa đói nghèo thật sự cho các địa phương nhất là ở miền núi, cần các giải pháp tổng thể về:

- Nâng cao trình độ về kinh tế cho người dân.
- Nâng cao hiểu biết chung qua các phương tiện thông tin đại chúng (đài, ti vi, sách, báo, phim ảnh...), nhất là qua các thư viện tại các làng xã.
- Phát triển kết cấu hạ tầng.
- Kế hoạch hóa dân số và chi tiêu.
- Hỗ trợ vốn tiền mặt.
- Hỗ trợ phát triển các chợ, các trung tâm cụm xã, các trạm bưu điện văn hóa xã, thôn, bản.

- Hỗ trợ thư viện cho các địa phương...

Tổng thể những điều đó phải có tác động mạnh mẽ tới cách quản lý, điều hành của mỗi người dân đến người quản lý ở địa phương và tư duy làm giàu của từng người phụ nữ, hộ gia đình. Xét đến cùng, biện pháp xóa nghèo thực sự phải tiến hành đồng bộ nhằm bật mở vốn con người, vốn đất đai, vốn văn hóa truyền thống, vốn quan hệ của các địa phương và các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và các cấp quản lý Trung ương. Đó chính là con đường xóa nghèo một cách bền vững, tạo thế và lực cho mỗi phụ nữ, mỗi hộ gia đình, mỗi làng bản và các địa phương trở thành giàu có.

Để giải bài toán xóa nghèo cho người phụ nữ các địa phương và cả quốc gia đòi hỏi người quản lý phải nhìn nhận, suy xét từ tầng sâu bản chất của vấn đề, từ những quan hệ bản chất của sự việc để từ đó giải quyết đồng bộ và có tính khả dụng cao. Nếu một người phụ nữ, một gia đình hay một địa phương nào chỉ giải quyết riêng lẻ một giải pháp tức thời về vốn tiền mặt, hay chỉ quan tâm đến kết cấu hạ tầng mà không đầu tư đồng bộ vào việc nâng cao tư duy kinh tế, kế hoạch hóa dân số,

nâng cao trình độ hiểu biết chung, thay đổi những thủ tục lạc hậu, kế hoạch hóa chi tiêu trong gia đình của mình thì hiệu quả của công cuộc xóa đói nghèo chỉ dừng lại ở mức độ thấp.

Thực ra tương lai của mỗi người phụ nữ, các cá nhân, các gia đình, các địa phương và cả quốc gia chúng ta rất rộng mở. Tương lai của chúng ta không phụ thuộc nhiều vào vốn tiền mặt và đất đai. Trái lại, nó tùy thuộc rất nhiều vào: Vốn kiến thức, sự cần cù, khả năng thâm hái kinh nghiệm trong quản lý vi mô và vĩ mô. Hay nói gọn hơn là nó được xác định bằng chính sự tiến triển, sự tích lũy vốn tri thức của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi dòng họ, mỗi câu lạc bộ, hội nghề nghiệp, đoàn thể chính quyền của mỗi địa phương và mỗi quốc gia.

Điều đó đặt lên vai chúng ta điều gì?

** Đối với người phụ nữ trong các hộ gia đình muốn giàu có phải:*

1 - Chịu khó lao động, kiên trì lao động.

2 - Chịu khó học hỏi kinh nghiệm làm giàu của những người khác ở địa phương hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, đài, vô tuyến).

3 - Kế hoạch hóa dân số một cách kiên quyết, dứt khoát phải đẻ ít con từ 1 - 2 con mới tập trung làm tốt kinh tế.

4 - Kế hoạch hóa chi tiêu, xóa bỏ các tiệc tùng vô bổ để đầu tư cho con cái học hành, xây dựng nhà cửa vừa phải để tránh lãng phí.

5 - Mạnh dạn bỏ các hủ tục lạc hậu.

6 - Dám ứng dụng các công nghệ mới và các kỹ năng mới vào sản xuất.

7 - Biết làm một nghề phụ nào đó (may, thêu, đan, làm nón), nhất là phát triển các làng nghề.

8 - Biết tìm kiếm các cơ hội kinh doanh trên thị trường (cung cấp một hàng hóa nào đó mà thị trường cần).

9 - Tích cực tham gia các Hội ở địa phương để giúp nhau làm giàu (Hội phụ nữ; Hội làm vườn; Hội đồng niên; Hội thêu thùa...).

** Đối với các địa phương cần:*

1. Mạnh dạn quan hệ tốt với các doanh nghiệp, các cấp chính quyền để tranh thủ những hỗ trợ cần

thiết về vốn, khoa học công nghệ, trang thiết bị và tư vấn cho địa phương về phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khuyến khích phát triển các Câu lạc bộ, các Hội nghề nghiệp, các thôn, xóm, xã, huyện để giúp nhau về vốn, quan hệ, kiến thức làm giàu.

3. Phải chịu khó nâng cao kiến thức quản lý, nhất là kiến thức về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kiến thức về kinh tế hàng hóa, luật pháp, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại...

4- Tích cực mở mang quan hệ với các cơ quan doanh nghiệp ở các tỉnh khác và Trung ương.

5. Phải có tinh thần sáng tạo, dám sản xuất kinh doanh những cây con mới, dịch vụ mới dám cải tiến các hủ tục lạc hậu... để địa phương văn minh hơn, cuộc sống thiết thực hơn, thời gian nông nhàn cần được sử dụng hiệu quả hơn.

6- Khuyến khích phát triển các loại hình trang trại: trồng rừng, chăn nuôi, chế biến...

** Đối với những nhà hoạch định vĩ mô:*

1. Khi giải quyết vấn đề này cần có một cái nhìn đại cục, tổng thể.

2. Cần có chính sách cụ thể để phát triển các làng nghề.

3. Cần có một hệ thống chính sách đồng bộ để xóa nghèo, tiến tới sự giàu có chung cho cả cộng đồng. Điểm xuất phát của các chính sách đó phải dựa trên khai thác vốn con người và nâng cao chất lượng cuộc sống, bồi bổ vốn con người để có được sự phát triển bền vững chứ không phải giải pháp tình thế.

4. Cần đôn đốc, kiểm tra thường xuyên các dự án xóa nghèo trong thực tiễn để có kết quả cao tại mỗi địa phương và cả quốc gia.

Thế đó, những cơ may của nền kinh tế tri thức đang đặt lên vai chúng ta, những cơ may đó sẽ trở thành những kho báu quý giá cho mỗi cá nhân, mỗi người phụ nữ, mỗi chủ hộ gia đình, mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương và cả đất nước hay không tùy thuộc vào dũng khí và tài năng của người điều hành từ vi mô đến vĩ mô. Hơn lúc nào hết, bài toán về phát huy, trọng dụng nhân tài, trọng dụng tri thức, trọng dụng vốn con người, khích lệ lại là chìa khóa cho mỗi gia đình, mỗi địa phương và cả quốc gia có thể bật mở để bứt lên kịp với dòng chảy chính của thời đại.

Làm giàu, vươn lên đỉnh cao thành đạt của mỗi phụ nữ, cá nhân, mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương và cả quốc gia, xét đến cùng là tùy thuộc vào năng lực: dám kiên gan vượt lên những thách thức, biết tổ chức các nguồn lực, mở mang bang giao, quy tụ nhân tài, có dũng khí dám làm việc lớn, tự hấp thụ không ngừng cái hay của người khác, không thay đổi mục đích lớn đã lựa chọn. Đó chính là những viên gạch tất yếu kiến tạo nên đại lộ giàu có cho mỗi gia đình, địa phương và cả quốc gia chúng ta trong thế kỷ XXI.

KÍCH CẦU ĐỂ NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIÊU THỤ HÀNG HÓA CHO CÁC DOANH NGHIỆP, THÚC ĐẨY NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Nền kinh tế nước ta trong nhiều tháng gần đây tuy vẫn tiếp tục tăng trưởng nhưng tốc độ chưa cao, điều đó có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân sau:

1 - Sức mua của dân thấp, trong đó chúng ta chưa có biện pháp kích cầu về đầu tư và tiêu dùng.

2 - Thủ tục hành chính còn phiền hà nên nhiều doanh nghiệp chưa phát huy được những tiềm năng của mình trong sản xuất kinh doanh.

3 - Thủ tục xét duyệt đầu tư nước ngoài còn phức tạp, giá đất, nước, điện thoại, điện... quá cao nên ít thu hút các doanh nghiệp nước ngoài.

4 - Chúng ta còn thiếu vắng những nhà doanh nghiệp thực sự giỏi và thiếu những công chức hành chính thạo việc.

5 - Các doanh nghiệp chưa đưa ra được những biện pháp kích thích sức mua và kích thích các hướng đầu tư để phát triển nền kinh tế.

6 - Nhiều địa phương chưa chủ động đưa ra các dự án kích thích đầu tư từ nguồn vốn trong dân và vốn của các doanh nghiệp mà phần nhiều vẫn dựa vào vốn của Nhà nước, nên chưa tạo ra một phong trào đầu tư rộng khắp ở các địa phương.

7 - Nhiều doanh nghiệp tuy thừa ế các sản phẩm hàng hóa sản xuất ra nhưng lại không biết gắn kết với các địa phương để tiêu thụ các hàng hóa theo các phương thức bán hàng trả chậm hoặc trả góp hoặc bán chịu hoàn toàn.

8 - Nhiều doanh nghiệp đã khai thác hết công suất của các máy móc thiết bị mà chưa được đầu tư kịp thời, giá thành lại cao nên sức cạnh tranh giảm đi...

Chính những điều đó đã tác động lên cả hai lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng của xã hội, đã xuất

hiện những dấu hiệu cần phải có biện pháp tháo gỡ.

Tình hình đó đòi hỏi các doanh nghiệp và Chính phủ phải tìm các biện pháp kích thích đầu tư, kích thích tiêu dùng để vừa đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng sản xuất, vừa tăng tốc độ tiêu thụ các hàng hóa. Trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần phải đẩy mạnh các giải pháp sau:

Một là: Tăng cường bán trả góp, bán chịu, bán trả chậm cho các bộ phận gia đình các vật tư, hàng hóa thiết yếu (như xi măng, sắt thép, phân bón, máy cơ khí, máy xay xát, ô tô vận tải) thông qua sự bảo lãnh của chính quyền địa phương, xã, huyện.

Hai là: Đổi mới hệ thống quản lý trong các doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp.
- Sắp xếp lại các phòng ban, giảm các khâu trung gian, giảm chi phí sản xuất.
- Đầu tư nhiều hơn vào con người, vốn, phương tiện nhiều hơn cho bộ phận tiêu thụ và tiếp thị.
- Ban Giám đốc các doanh nghiệp phải nâng cao trình độ quản lý, đặc biệt là trình độ tiếp thị.

Ba là: Kiên quyết tiết kiệm

- Tiết kiệm trong chi phí văn phòng.
- Tiết kiệm các tiệc tùng.
- Tiết kiệm các chuyến đi xa nếu thấy không cần thiết.
- Dồn vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh.
- Giảm tối đa chi phí trên mỗi sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh với nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Bốn là: Đẩy mạnh tích tụ và tập trung vốn trong các doanh nghiệp.

- Tích tụ vốn qua tính lợi nhuận.
- Tích tụ qua khấu hao.
- Tích tụ vốn qua vay vốn cổ phần từ công nhân.
- Tập trung vốn qua liên kết với các doanh nghiệp khác.

Năm là: Đẩy mạnh tiếp thị, mở rộng thị trường:

- Tăng cường đào tạo đội ngũ tiếp thị.

- Phát triển mạng lưới các chi nhánh tiêu thụ.
- Phát triển mạng lưới tiếp thị nhanh nhạy, rộng khắp.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ về nông thôn và sang các nước khác: ASEAN, cộng đồng EU, cộng đồng Pháp ngữ...
- Tăng cường các biện pháp khuyến mại (giảm giá, bán trả góp, các tặng phẩm, quay số trúng thưởng...).

Sáu là: Đa dạng hóa các sản phẩm:

- Sản xuất nhiều loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu của nhiều loại người tiêu dùng (hộ có thu nhập cao, thu nhập khá, thu nhập trung bình, thu nhập thấp).

Ví dụ: Quạt điện giá 1,5 triệu đồng / 1 chiếc, 1 triệu đồng/ 1 chiếc, 500.000 đồng/ 1 chiếc, 250.000 đồng/ 1 chiếc, thậm chí 20.000 đồng/ 1 chiếc.

- Đa dạng hóa các sản phẩm.

Bảy là: Nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đổi mới thường xuyên cấu trúc sản phẩm.
- Tăng các chức năng, công dụng của sản phẩm.

- Thường xuyên tạo mẫu đẹp, hấp dẫn.

Tám là: Cải tiến phương thức phục vụ khách hàng.

- Luôn coi khách hàng là đúng.
- Phục vụ qua điện thoại mang hàng đến.
- Phục vụ đến tận nhà, giúp khách hàng tận tình.
- Có bảo hành tốt.
- Có các tặng phẩm vào các ngày lễ, tết...

Còn đối với toàn bộ nền kinh tế thì sao? Để nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao thì Chính phủ phải kích thích nền kinh tế theo hai hướng chủ yếu:

1 - Kích thích đầu tư vào sự phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hướng về xuất khẩu.

2 - Kích thích tiêu dùng những hàng hóa công nghiệp và những vật dụng để nâng cao đời sống và các tiện nghi của các hộ gia đình (chứ không phải kích thích tiêu dùng theo kiểu mọc tràn lan các nhà hàng, nhậu nhẹt, tiệc tùng...).

Muốn vậy, Chính phủ phải dùng hai công cụ chính của mình là chính sách tài chính (thuế và chi tiêu chính phủ) và chính sách tiền tệ (lượng tiền cung ứng) để kích thích nền kinh tế phát triển, chống suy thoái, giải quyết việc làm. Như vậy, Chính phủ phải nhanh chóng vào cuộc, tìm các biện pháp tăng tổng cầu của nền kinh tế (tức là phải tăng chi tiêu theo hai hướng trên) nhằm kích thích đầu tư, tăng công ăn việc làm trong toàn bộ nền kinh tế. Một trong những hướng đầu tư quan trọng hiện nay chính là nông thôn, phải kích cầu ở khu vực này. Cho đến nay hơn 80% dân số vẫn sống ở nông thôn, nhưng đường sá, điện, các công cụ sản xuất, các tiện nghi gia đình... còn rất thiếu và rất lạc hậu, điều đó ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các địa phương và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung của cả quốc gia. Chính vì thế, trong thời gian tới đòi hỏi Chính phủ phải thực hiện các giải pháp kích cầu sau:

- 1 - Phải tăng ngân sách chi cho các dự án phát triển kết cấu hạ tầng vừa và nhỏ ở các vùng nông thôn, miền núi, đầu tư cho các phương tiện đánh cá xa bờ, đầu tư cho đóng tàu để phát triển vận tải biển của Việt Nam.

2 - Đầu tư tín dụng để các doanh nghiệp bán hàng trả chậm các vật tư thiết yếu như: Xi măng, sắt thép, phân bón, kính, các động cơ, máy bơm, máy tuốt lúa, máy xay xát, điện thoại, xe vận tải cho các hộ nông dân.

3 - Khuyến khích các dự án điện khí hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng đường sá, hệ thống thủy lợi...

4 - Đầu tư xây dựng các cụm dân cư, xây nhà vượt lũ, xây các khu chung cư cao tầng ở các thành phố rồi bán trả chậm, trả góp cho các hộ gia đình trong vòng 5,10, 20 năm.

5 - Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến, hoặc trả chậm các máy móc chế biến quy mô vừa và nhỏ cho các hộ gia đình để kích thích sản xuất phát triển.

6 - Đầu tư qua tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp kinh doanh để mua hết các thứ hàng hóa như: Lúa, cao su, cà phê, hạt điều, vải, đồ tương, chè... để kích thích nhu cầu mua sắm của nhân dân.

7 - Khuyến khích các doanh nghiệp Trung ương có thể mạnh về sản xuất thép, xi măng, các

công cụ cơ khí, phân bón, chủ động đi đến các địa phương ký các hợp đồng bán sản phẩm theo hướng trả góp, bán chịu cho các xã, huyện.

8 - Khuyến khích các hộ gia đình, các doanh nghiệp ở các địa phương bỏ vốn ra đầu tư theo kiểu đầu tư - kinh doanh - chuyển giao (BOT), BT, BTO... vào các công trình như: Đường, trường, điện, trạm, chợ, điện thoại, cầu, xí nghiệp chế biến... để phát triển kinh tế ở các địa phương đó.

9 - Chính phủ mạnh dạn đăng cai các hội thảo quốc tế, hội chợ quốc tế, các trận thi đấu thể thao, các giải Olympic quốc tế... để kích thích các dịch vụ trong nước phát triển.

10 - Có chính sách yêu cầu các nhà máy xi măng, bê tông, sắt thép cho vay trả chậm để các xã, huyện xây dựng kiên cố trường học, chợ, kênh mương, nhà kiên cố, các di tích lịch sử...

11 - Đầu tư vào kinh tế biển: Đánh bắt cá xa bờ, khai thác các khoáng sản dưới biển, vận tải biển, phải hình thành những đội thương thuyền thực sự mạnh của Việt Nam, có tầm cỡ kinh doanh quốc tế.

12 - Chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng quan hệ thương mại với các bạn hàng truyền thống và các bạn hàng mới ở Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ la tinh, Ôxtrâyliia...

Các giải pháp tổng thể trên sẽ có tác động góp phần đổi mới hệ thống quản lý, kích thích sức mua, tạo ra sự đột phá trong chất lượng hàng hóa và phương thức phục vụ của các doanh nghiệp nhằm tạo ra một bước nhảy vọt trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Những giải pháp ở tầm vi mô và vĩ mô trên khi được kích cầu sẽ tạo hiệu ứng dây chuyền, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển mạnh mẽ, tạo ra sức đẩy để nền kinh tế nhanh chóng khởi sắc, có tốc độ tăng trưởng cao liên tục và ổn định trong những năm tới đây.

KHAI THÁC, PHÁT HUY VỐN TRÍ TUỆ - NGUỒN LỢI THẾ CẠNH TRANH SỐ 1 CỦA VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

Năng lực khai thác kinh tế tri thức của mỗi một doanh nghiệp và mỗi một quốc gia phụ thuộc vào việc các quốc gia đó làm thế nào để trở thành một nền kinh tế học hỏi và có khả năng cạnh tranh cao. Thực chất của cạnh tranh là cạnh tranh nhân tài, cạnh tranh phương pháp quản lý, cạnh tranh phương pháp xử lý thông tin, cạnh tranh phương pháp đổi mới các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, cạnh tranh phương pháp học hỏi. Học hỏi bao hàm vừa là sử dụng các công nghệ mới trong dòng tri thức toàn cầu, vừa là để sử dụng các công nghệ mới trong quá trình đổi mới để tiến xa hơn những công nghệ truyền thống. Trong thế kỷ XXI, nguồn lợi thế quan trọng nhất của cạnh tranh sẽ chính là

vốn trí tuệ, sẽ là chất xám của các nhân tài và phương pháp tổ chức quản lý. Chính vì thế, Đảng và Nhà nước ta muốn lãnh đạo và quản lý đất nước có hiệu quả hơn nữa, phù hợp với nền kinh tế tri thức hiện nay thì dứt khoát phải nâng cao tầm trí tuệ trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Điều đó vừa phải nâng cao trí tuệ của cả cộng đồng Việt Nam nói chung và trí tuệ của Đảng.

** Nâng cao tầm trí tuệ của cộng đồng Việt Nam.*

Việt Nam muốn sớm trở thành một cường quốc kinh tế và văn hóa thì phải có một chiến lược đầu tư thỏa đáng cho vốn trí tuệ, đầu tư cho đào tạo thường xuyên, đào tạo chuyên sâu, phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt ưu tiên cho các siêu xa lộ thông tin, các thư viện của các cơ quan, công sở, các làng xã và sâu xa hơn là phải có chiến lược trọng dụng hiền tài. Các hộ gia đình và các doanh nghiệp cần phải được dẫn dắt bởi tri thức, họ phải chủ động có những thay đổi về tỷ trọng vốn trí tuệ trong tổng giá trị kinh doanh và cuối cùng là trong bảng quyết toán của các doanh nghiệp. Vốn trí tuệ của một doanh nghiệp, một công sở hay một địa phương - tức tri thức, sức mạnh trí não để giải

quyết các vấn đề thực tiễn, bí quyết và các phương pháp quản lý của đội ngũ cán bộ và nhân viên, khả năng của doanh nghiệp để hoàn thiện các phương pháp sản xuất và kinh doanh đó. Trong một nền kinh tế của thế kỷ mới, các cá nhân, các doanh nghiệp, các địa phương và các quốc gia hoàn toàn có khả năng nhanh chóng tạo ra sự giàu có, cân xứng với khả năng học hỏi và chia sẻ (tức là khả năng thu nhận, chế biến thông tin và chuyển giao, ứng dụng thông tin) và năng lực đổi mới của họ. Chính vì thế, chìa khóa của sự thành công trong nền kinh tế tri thức là phương pháp xử lý thông tin, ứng dụng thông tin trong thực tiễn để tạo ra những dòng lợi nhuận lớn lao của mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương và cả đất nước. Một trong những khía cạnh để đảm bảo sự tiếp cận các tri thức mới nhất đòi hỏi chúng ta phải hình thành một cơ chế cho phép các doanh nghiệp, các địa phương được hoàn toàn chủ động trong việc đào tạo, giữ lại và thu hút những người giỏi nhất, kể cả trong lĩnh vực chuyên môn và lĩnh vực tổ chức thực tiễn. Kinh nghiệm của các quốc gia thành đạt trong 20 năm qua đã cho thấy chính việc đầu tư vào vốn nhân lực hơn là đầu tư vào vốn vật thể đã

tạo ra sự tăng trưởng đột biến của những nước nghèo và tạo ra những cơ hội để trở thành những nước giàu. Do đó, cần phải đầu tư những kiến thức về kinh tế, luật pháp và quản lý công cộng cùng những chỉ tiêu cho giáo dục để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước. Chúng ta phải khuyến khích để có một nền văn hóa đổi mới và một quốc gia ngày càng nhiều những người có tư duy mới, khát vọng đổi mới trong mọi lĩnh vực nhất là trong khoa học tự nhiên và xã hội. Trong các cấp, các ngành cần luôn thôi thúc bởi những ý tưởng mới trong nền kinh tế tri thức, chính điều đó sẽ quyết định vị trí của nền kinh tế chúng ta trong thứ bậc toàn cầu. Khả năng thu hút, trọng dụng nhân tài và khả năng đứng trên đỉnh của các chu kỳ đổi mới chính là yếu tố cạnh tranh quan trọng hàng đầu trong bảng xếp hạng toàn cầu của các doanh nghiệp, các quốc gia.

Ngày nay, trật tự kinh tế thế giới mới dựa vào tri thức và công nghệ, việc giảm bớt đói nghèo và thu hẹp các khoảng cách về công nghệ có thể được giải quyết thông qua năng lực thu nhận thông tin, tổ chức ứng dụng thông tin. Năng lực ra quyết

định, năng lực tác nghiệp, năng lực xử lý thông tin là cực kỳ quan trọng để tạo ra sự giàu có trong thực tế của mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia. Điều đó đã chỉ ra rằng mặc dù năng lực thu nhận thông tin đã là rất quan trọng trên lộ trình tiến tới sự giàu có, nhưng điều quan trọng hơn và cũng là điều kiện quyết định cho sự giàu có chính là khả năng tổ chức nguồn nhân lực để xử lý thông tin, biến những thông tin đó thành hàng hóa thì mới tạo ra sự giàu có một cách bền vững, nhanh chóng. Chính vì thế, các doanh nghiệp và mỗi địa phương cần phải nhanh chóng hướng vào việc quản lý vốn trí tuệ và tìm các biện pháp để khai thác nguồn vốn quan trọng đó cho sự phát triển. Việc tập trung vào thông tin và công nghệ sẽ gia tăng sức mạnh của mỗi doanh nghiệp và địa phương nhằm tạo ra một xã hội tri thức mà trong tầm tay chúng ta có thể tạo ra. Bởi vì mỗi người, mỗi gia đình chỉ cần chịu khó học hỏi, dành nhiều thời gian hơn, chịu khó đọc sách hơn, giảm bớt các chi phí không cần thiết để đầu tư cho nâng cao chuyên môn và tự học suốt đời thì chúng ta sẽ nhanh chóng xây dựng được một xã hội tri thức,

thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng. Năng lực cạnh tranh mạnh mẽ và cần thiết cho tương lai của các quốc gia chính là khả năng đổi mới và tri thức chính là người cầm lái cho lộ trình đổi mới. Suy cho cùng nền tảng gốc của các xa lộ thông tin trong nền kinh tế tri thức chính là những thông tin hữu ích, sự sáng tạo và sự truyền bá không ngừng những thông tin mới. Các giá trị của dòng tri thức mới dựa trên những thành quả hoạt động của vốn trí tuệ, hành vi ứng xử và tổ chức ứng dụng các luồng thông tin, vốn công nghệ... tất cả những yếu tố đó đang hàng ngày hàng giờ tác động lên mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia. Nó đang trở thành những yếu tố quyết định của năng lực cạnh tranh giữa các quốc gia.

Có thể nói rằng giá trị vốn vô hình của nhiều doanh nghiệp công nghệ cao trên thế giới đã vượt quá xa phần giá trị hữu hình của tài sản vật thể (là những tòa nhà, các bàn ghế, thiết bị) của các doanh nghiệp đó. Chẳng hạn, các tài sản vật thể của Công ty Microsoft, Nokia chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng giá trị được vốn hóa trên thị trường của doanh nghiệp này. Nhưng điều quan

trọng là một phần rất lớn còn lại chính là vốn trí tuệ của đội ngũ công nhân, quản trị và các dữ liệu thông tin, các công nghệ quản lý, các thông tin ứng dụng mà Công ty này đang tạo dựng để bán ra thị trường toàn cầu. Vậy chúng ta là thế nào để có thể đo lường được vốn trí tuệ của một doanh nghiệp? Một doanh nghiệp làm thế nào để có thể biết tài sản tri thức của nó đang tăng hay giảm trong một thời điểm nhất định. Vốn trí tuệ của một doanh nghiệp chính là phần còn lại sau khi đã trừ đi các khoản chi trả cho các nhà cung cấp, nhân công, đội ngũ quản lý, ngân hàng, các cổ đông, khoản nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước, thay thế các tài sản lỗi thời.

Chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng tương lai của nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt được những tốc độ tăng trưởng cao hơn, nếu chúng ta biết đầu tư tốt hơn cho nguồn vốn tri thức, gia tăng tính cạnh tranh của thị trường vốn này. Đã đến lúc Việt Nam cần phải bổ sung những khía cạnh trong các điều luật thuế để khuyến khích sự đổi mới, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp phát triển dựa trên tri thức. Chúng ta cần phải đối xử ưu đãi đối với những khoản lãi từ vốn đã được bảo vệ trên mảnh

đất khuyến khích tinh thần dám chấp nhận rủi ro và dũng cảm kinh doanh, điều đó gắn liền với nền kinh tế tri thức, làm được như vậy chính là chúng ta biết cách ban thưởng cho sự đổi mới thực tế và hỗ trợ cho vốn tri thức. Thế kỷ XXI đang tạo dựng các mô hình kinh tế tiến tới sự khai thác triệt để hơn thông tin và phương pháp tạo ra tri thức mới, điều đó càng đòi hỏi phải hoàn thiện một nền hành chính công quyền để thích nghi đối với các vấn đề sáng tạo và xử lý thông tin mới. Trong một nền kinh tế mà quá trình toàn cầu hóa đang chi phối các dòng giao dịch thì việc hiểu biết những giá trị của tri thức trong các doanh nghiệp và các địa phương cũng như năng lực để sử dụng chúng, năng lực thu hút những tri thức sẽ có tác dụng cực kỳ quan trọng trong việc tăng sức cạnh tranh của một doanh nghiệp, một địa phương, một ngành hoặc của một quốc gia.

** Các giải pháp nâng cao tầm trí tuệ trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng.*

Từ những vấn đề chung đó, để nâng cao tầm trí tuệ trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng cần thực hiện các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh hơn nữa đầu tư cho đào tạo các lớp ngắn hạn về kinh tế thị trường, quản lý vĩ mô, công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.

2. Tạo kinh phí nhiều hơn cho các chương trình, đề tài khảo sát tổng kết thực tiễn.

3. Đầu tư kinh phí cho các nhà xuất bản, tạp chí, báo, một số chuyên đề phổ cập kiến thức: Công nghệ thông tin, công nghệ quản lý, pháp luật, công nghệ sinh học để nâng cao trình độ của đảng viên.

4. Có quy chế thành lập các tủ sách kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, khoa học kỹ thuật cho các chi bộ, đảng bộ để đảng viên nâng cao trình độ.

5. Có quy chế bắt buộc để các đảng viên, các chi bộ đi tham quan, học hỏi các mô hình làm kinh tế, quản lý giỏi.

6. Đổi mới cách sinh hoạt ở các chi bộ, hình thành các Câu lạc bộ chủ đề về quản lý kinh tế, để đảng viên trao đổi học hỏi nhau kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm làm giàu.

7. Khuyến khích phong trào tự học, tự nghiên cứu suốt đời trong cán bộ, đảng viên.

8. Có các giải thưởng về KHXH, KHTN trong Đảng để tặng cho những đồng chí nào có cống hiến xuất sắc, có những công trình lớn đóng góp cho đất nước.

9. Đảng và Nhà nước phải mạnh dạn trẻ hóa đội ngũ cán bộ, phải nghiên cứu để đổi mới cơ chế cất nhắc, đề bạt cán bộ trẻ kết hợp với các độ tuổi để phát huy tính năng động của các cán bộ trẻ.

10. Phải đẩy mạnh cải cách hành chính, bãi bỏ cơ chế "xin - cho" thay bằng cơ chế "yêu cầu" thực hiện, yêu cầu các cơ quan, hữu quan phải giải quyết các nguyện vọng chính đáng của dân, phải hẹn ngày trả lời dân.

11. Phải đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công rành mạch, rõ ràng quyền lợi và trách nhiệm của các cấp cho cấp dưới, từ TƯ đến địa phương.

12. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý trong doanh nghiệp, công sở.

13. Kế thừa có chọn lọc một số tinh hoa của văn hóa truyền thống:

- Chiến lược cất nhắc nhân tài.

- Chiến lược đào tạo
- Những kinh nghiệm của các nền hành chính.
- Những kinh nghiệm, kiến thức về tiềm năng con người, nhận thức về con người theo tư duy và kinh nghiệm phương Đông.

14. Đào tạo và phổ biến phương pháp tư duy, và hoạt động sáng tạo, để cán bộ, đảng viên có được phương pháp luận chung trong sáng tạo, quản lý và tổ chức thực tiễn.

Như vậy, để nâng cao tầm trí tuệ của cán bộ đảng viên, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chúng ta cần phải hoạch định một chiến lược phát triển vốn trí tuệ, chiến lược đó phải dựa trên việc đầu tư nhiều hơn cho giáo dục, khoa học công nghệ, kết cấu hạ tầng (giao thông, bưu chính viễn thông), quan tâm nhiều hơn đến việc khai thác khả năng xử lý thông tin, khả năng truy cập thông tin và khả năng đổi mới không ngừng các dòng tri thức, các hàng hóa có hàm lượng tri thức cao. Cần hoàn thiện hơn nữa bộ máy hành chính để tiến tới gọn nhẹ, năng động với một bộ máy các chuyên gia hành chính công

tâm, thạo việc, có bản lĩnh và năng động. Việc trẻ hóa đội ngũ quản lý trong hệ thống hành chính công quyền và trong hệ thống doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế cũng là một đòi hỏi cấp bách của nền kinh tế tri thức nhằm đẩy nhanh tốc độ hành xử, khả năng giải quyết nhanh các công việc và dám chịu trách nhiệm trước các công sở, doanh nghiệp và vận mệnh quốc gia. Một thiên niên kỷ mới đã đến, khí thiêng sông núi như đang giục giã mỗi người dân nước Việt suy ngẫm về một lộ trình tiến tới sự giàu có, thịnh vượng cho đất nước. Trên con đường dài của vinh quang đòi hỏi mỗi chúng ta phải không ngừng tích lũy kiến thức, trau dồi khả năng tổ chức thực tiễn và có dũng khí để biến những kiến thức thu hái được trở thành sự giàu có trong thực tế của mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

Nền kinh tế Việt Nam trong thế kỷ XXI đang đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một chiến lược giáo dục và khoa học hiệu quả, năng động để phù hợp với những biến đổi mau lẹ của toàn cầu. Hệ thống giáo dục đó phải đề cao tính hữu dụng của kiến thức, phải được cập nhập những thông tin mới và một hệ thống kiến thức vừa sức với học sinh. Phải chuẩn bị cho học sinh phổ thông và đại học ứng dụng một cách tốt nhất kiến thức vào cuộc sống và có được một phương pháp tự học suốt đời, đó là chìa khóa quyết định sự thịnh vượng của người dân Việt Nam trong thế kỷ XXI. Cạnh tranh toàn cầu và nền kinh tế tri thức đã đòi hỏi chúng ta phải biết vạch cho học sinh phổ thông và đại học

một nội dung hữu dụng và vạch cho học sinh một con đường có mục đích rõ rệt để tiến vào tương lai, cần chuẩn bị kỹ càng cho các học sinh của các trường đi vào nền kinh tế toàn cầu, xây dựng một hệ thống đối tác với các mối quan hệ chặt chẽ giữa trường học, gia đình, doanh nghiệp, hội nghề nghiệp, hội thương mại và các tổ chức xã hội khác, nhằm thỏa mãn các nhu cầu của từng cá nhân cũng như nhu cầu kinh doanh của từng doanh nghiệp; cần phải hình thành nhiều doanh nghiệp trong lòng các trường học và ngược lại hình thành nhiều doanh nghiệp trong các công ty, các doanh nghiệp lớn, có sự gắn kết giữa các trường học với các doanh nghiệp. Chẳng hạn quy mô và phạm vi chương trình đào tạo của Đức khá thiết thực với khoảng 500.000 công ty, ngành nghề và cơ quan Nhà nước đã hợp tác chặt chẽ với ngành giáo dục để triển khai một hệ thống giáo dục "kép" nhằm kết hợp việc giảng dạy lớp học với học nghề tại các cơ sở sản xuất. Gần 2/3 các thanh thiếu niên Đức từ 16 đến 19 tuổi sau khi học xong lớp 10 đều tham gia chương trình học nghề trong 3 năm.

Chúng ta đều biết ngày nay thông tin, luồng vốn và lao động di chuyển ngày càng nhanh đòi hỏi

các doanh nghiệp, các công sở, trường học phải nhảy bén hơn, thôi thúc mọi người phải luôn tiếp tục học tập và phải coi đó là một thói quen suốt đời. Học tập trong một thế kỷ đua tranh bao gồm việc trao đổi thông tin, tri thức, những kinh nghiệm và kỹ năng đã có sẵn để phát hiện ra những nguyên tắc và tri thức mới. Chúng ta đều biết sức mạnh của các tổ chức, các doanh nghiệp là ở tính gắn kết của chúng, tính linh hoạt, khả năng thích nghi, khả năng đáp ứng và đổi mới nhanh chóng - những điều đó sẽ được coi là những nhân tố tốt nhất cho sự thành đạt của mỗi một cá nhân, doanh nghiệp, mỗi một công sở trong nền kinh tế dựa trên tri thức. Muốn vậy, các doanh nghiệp và mỗi nền kinh tế phải đầu tư cho việc học tập, đào tạo, nghiên cứu của mỗi nhân viên trong các doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Đặc biệt là trang bị cho thế hệ mới phương pháp học tập, phương pháp xử lý thông tin, phương pháp sáng tạo trong cuộc sống, trong kinh doanh và mọi lĩnh vực khác; cái mà các trường học của chúng ta thiếu nhất chính là phương pháp học tập và phương pháp tổ chức các nguồn lực trong cuộc sống. Trong các nền kinh tế tri thức, do tốc độ thay đổi nhanh chóng của

khoa học công nghệ nên đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đều phải liên tục học tập và giáo dục phải được cập nhật trong suốt cuộc đời lao động của mình. Theo các nhà khoa học tính toán thì tri thức cứ 7 năm lại tăng 2 lần, và đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật cao thì khoảng một nửa những điều sinh viên học trong năm đầu tiên ở đại học đã trở nên lạc hậu khi họ tốt nghiệp, do đó để các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt hơn và các kiến thức của các kỹ sư không bị lạc hậu trước cuộc sống thì họ phải luôn duy trì một khả năng học tập suốt đời bổ sung những kiến thức và những kỹ năng mới, nói một cách khác là họ phải tiếp tục tự học để duy trì khả năng xử lý những thông tin mới, duy trì việc làm, duy trì khả năng kiếm thêm thu nhập. Như vậy, trong một nền kinh tế tri thức thị trường học tập bao gồm không những các học sinh, sinh viên chính thức mà cả những người học tập suốt đời ở mọi lứa tuổi, mọi nơi, mọi lúc.

Kinh nghiệm của các quốc gia có nền kinh tế tri thức phát triển đã cho thấy có 6 nhân tố của kinh doanh dựa trên tri thức như sau:

- Bạn càng sử dụng các hàng hóa dựa trên cơ

sở tri thức, thì chúng càng trở nên thông minh. Chẳng hạn, máy điện thoại di động, những chiếc gối không gây dị ứng, xe ô tô có các băng nhạc...

- Bạn càng sử dụng những hàng hóa dựa trên tri thức thì bạn càng am hiểu hơn.

- Các sản phẩm và dịch vụ dựa vào kiến thức thì sẽ biết điều chỉnh tùy theo những hoàn cảnh thay đổi, chẳng hạn một công ty đã sản xuất một loại lớp "thông minh" gắn bộ vi xử lý để phân tích các dữ liệu về áp suất, không khí, nhiệt độ để cuối cùng chuyển một lời nhắn lên đồng hồ xe nói "lớp áp suất thấp - cần phải bơm". Như vậy, thông tin đã chứa đựng tri thức, khuyên bạn nên làm gì.

- Các doanh nghiệp dựa trên tri thức có thể làm cho những sản phẩm của họ phù hợp với nhu cầu và thị hiếu phong phú của người tiêu dùng.

- Các sản phẩm và dịch vụ dựa trên tri thức thường có chu kỳ sống tương đối ngắn, bởi vì nó luôn luôn được thay đổi cho phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

- Các doanh nghiệp dựa trên tri thức khiến cho hàng hóa ngày càng hữu dụng hơn, ngày càng giúp người tiêu dùng một cách thuận tiện hơn.

Trong nền kinh tế tri thức cần phải thôi thúc sự sáng tạo của mọi người, của mọi thành phần kinh tế, chính sự tham gia đông đảo trong các công việc sáng tạo của mọi người khiến nền kinh tế ngày càng phát triển. Như vậy, chính nền kinh tế tri thức đã đòi hỏi nền giáo dục của chúng ta phải đổi mới theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cập nhập và năng động. Các sách giáo khoa, các giáo trình và các bài giảng ở các nhà trường phải thấm đượm tinh thần trang bị một phương pháp học tập suốt đời, phương pháp đọc sách, phương pháp tra cứu tài liệu, phương pháp viết một bài luận, phương pháp hội thảo để đi đến một chân lý. Những phương pháp đó là những "cần câu" cho các thế hệ để xử lý, tích lũy thông tin, tổng hợp thông tin để đưa ra những phán đoán, những quyết sách ở tầm vi mô và vĩ mô sao cho hiệu quả nhất. Những thông tin không phải là thiếu vắng trong các thư viện, trên các quầy sách, báo nhưng cái chúng ta thiếu một cách trầm trọng cho nền kinh tế chính là thiếu những người có khả năng tổng hợp những núi thông tin đó để ứng dụng vào đời sống thực tế, ứng dụng trong mỗi doanh nghiệp, mỗi gia đình và cả nền kinh tế sao cho tri thức nhanh chóng trở

thành tiền bạc, trở thành những giá trị mới, sức mạnh mới cho nền kinh tế. Muốn vậy, chúng ta phải thực hiện các giải pháp sau để phát triển giáo dục và khoa học công nghệ của Việt Nam trong thế kỷ XXI:

1. Học sinh từ lớp 1 đến lớp 8 cần ưu tiên giáo dục các em học để làm người qua nhiều ví dụ cổ kim, đông tây, vừa học vừa chơi, đặc biệt là phương pháp tự học. Từ lớp 9 đến lớp 12 học các kiến thức cơ bản.

2. Cập nhật hơn các kiến thức thực tiễn vào các sách giáo khoa, các bài giảng cho học sinh từ phổ thông đến đại học.

3. Đầu tư đổi mới hệ thống giáo trình về khoa học xã hội sao cho khai thác được di sản văn hóa truyền thống, di sản văn hóa phương Đông và những thành tựu mới nhất của nền văn minh trong thế kỷ XXI.

4. Đổi mới phương pháp giảng dạy ở các lớp học để dạy học sinh phương pháp tư duy, phương pháp sáng tạo để từ đó các em có thói quen say mê tìm kiếm tri thức, độc lập suy nghĩ, dám sáng tạo và có phương pháp sáng tạo.

5. Phải đầu tư kinh phí, nhân tài vào lĩnh vực nghiên cứu công trình khoa học của Việt Nam và quốc tế.

- Khoa học tiểu học.
- Kinh tế
- Công nghệ thông tin
- Công nghệ vật liệu mới
- Phương pháp luận sáng tạo.
- Công nghệ sinh học.
- Kinh tế giáo dục.

6. Đẩy mạnh việc xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện cho các Viện nghiên cứu Nhà nước và của các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp được đào tạo từ sơ cấp đến tiến sĩ. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ nên quản lý chương trình, chất lượng đào tạo chứ không nên giữ mãi cơ chế xin - cho, không làm việc cấp bằng mà chỉ theo dõi việc cấp bằng qua các trường; các chỉ tiêu tuyển sinh của các Viện, các Trường cũng nên để tại cơ sở chủ động đăng ký với các Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ chứ Bộ không thể áp đặt bởi chỉ tiêu tuyển sinh cần phải có, dẫn theo

nhu cầu thực tế của cuộc sống chứ không thể tư duy theo kiểu cũ mà ban phát như chỉ tiêu "pháp lệnh", đến cả nền kinh tế còn phải định hướng theo chỉ tiêu "hướng dẫn" là chính, tại sao ngành giáo dục lại vẫn chưa chuyển kịp với bước tiến của kinh tế thị trường.

7. Phải có biện pháp, cơ chế kết hợp giáo dục - khoa học - sản xuất. Muốn vậy Nhà nước phải đầu tư nhiều hơn kinh phí khoa học cho các trường, và cho phép mặc nhiên các trung tâm nghiên cứu, các viện nghiên cứu được phép đào tạo và được phép cấp bằng, chỉ có như vậy mới phát huy được chất xám ở các trường, viện, hình thành thị trường chất xám.

8. Khuyến khích các nhà khoa học kiêm giảng ở các trường, viện nghiên cứu.

9. Nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo từ công nhân, trung cấp đến tiến sĩ.

10. Cần phát triển mạng lưới tư vấn, xã hội, phát triển mạng lưới đào tạo từ xa.

11. Chuyển đa phần các Viện nghiên cứu sang tự hạch toán kinh doanh theo đòi hỏi của thị trường để tránh sức ỳ, lãng phí trong nghiên cứu của các viện.

12. Phải có quy hoạch cất nhắc, đề bạt cán bộ cho 5 năm, 10 năm, 20 năm.

13. Đầu tư nhiều hơn chiến lược thu hút trọng dụng nhân tài, nhất là những người ở độ tuổi 30 - 45 để tạo sức bật, sức năng động cho mọi cấp, mọi ngành của nền kinh tế.

14. Phải xây dựng, hun đúc lý tưởng chính trị và lý tưởng về khoa học trong thanh niên.

15. Phải mạnh dạn giao các chủ đề tài về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cho các cán bộ khoa học trẻ từ 30 - 45 để có những đề xuất mới.

16. Nội dung các đề tài khoa học xã hội phải được cải tiến, đề cao kiến giải, đề xuất, giải pháp từ thực tiễn chứ không "tâm chương, trích cú" nhiều câu chữ mà ít nội dung, ít giải pháp.

17. Đề cao vai trò phát huy năng lực cống hiến của các tiến sĩ, tránh hư danh. Đã có tiến sĩ lại cố phấn đấu phong phó giáo sư, giáo sư, như thế khiến cho nhiều người mất thời gian, công sức chạy theo hư danh mà không tập trung vào cống hiến.

18. Phải nâng lương kịp thời cho những thạc sĩ, tiến sĩ, đối với những người bảo vệ xong tiến sĩ

thì nên công nhận ngay mức chuyên viên chính cho họ, tránh các đợt thi công chức hình thức, nhiều khô.

19. Đối với các tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư nên có chính sách đãi ngộ về nhà ở, lương, tiền phụ cấp nghiên cứu, tiền phụ xe và những chế độ khác ngang với cấp vụ phó, vụ trưởng trở lên.

20. Đối với Nhà nước nên đổi mới quy trình cất nhắc nhân tài.

Ngoài việc tuân thủ quy trình đã có nên có thêm quy trình nghe thêm thông tin của người dân bình thường viết thư tiến cử những người tài cho mọi cấp của địa phương và trung ương, coi đó như là một kênh thông tin tham khảo quan trọng để cất nhắc nhân tài, tránh bỏ sót nhân tài.

21. Phải đầu tư kinh phí, các dự án nghiên cứu về đào tạo từ xa, nhất là ở cấp độ Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, Vụ giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có cơ chế thông thoáng để các trường, viện nghiên cứu hoạt động theo Nghị định 35/TTCP được chủ động đào tạo từ xa.

22. Cần đầu tư củng cố các trung tâm giáo dục thường xuyên ở các địa phương từ xã đến tỉnh, trung ương đây là một mạng lưới tốt để nâng cao kiến thức cho cả cộng đồng.

23. Cần thành lập các quỹ hỗ trợ để có lương cho cán bộ thư viện các thôn, xã, phải coi thư viện ở các thôn xã chính là một trung tâm giáo dục, trang bị kiến thức cho cả cộng đồng.

24. Cần khuyến khích các hoạt động khoa học từ xã, huyện, tỉnh; mỗi xã cần phải có một cán bộ phụ trách nghiên cứu khoa học để hướng dẫn, thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học của địa phương phát triển.

25. Phải đầu tư khai thác tốt hơn các trường cấp I, II, III ở các địa phương: tăng biên chế cho cán bộ thư viện ở các trường từ 5-7 người để mở cửa thư viện 16 - 18 h/ ngày kể cả ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, để phổ cập kiến thức cho nhân dân vùng đó.

26. Khuyến khích tổ chức các kỳ thi tài năng ở các địa phương về:

+ Toán, văn, hóa học;

+ Nghiên cứu lịch sử;

+ Về tay nghề như: Dệt, mộc, thêu, đan...

27. Khuyến khích sưu tầm các hiện vật cổ, các di sản văn hóa phi vật thể.

28. Khuyến khích việc áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất.

Chúng ta cần nền giáo dục và khoa học công nghệ, phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tự xử lý thông tin suốt đời, tự đề xuất các ý kiến mới, dân chủ, sáng tạo là một bước ngoặt có tính chiến lược và chỉ có như vậy chúng ta mới có thể chủ động hội nhập vào nền kinh tế tri thức trong xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế của thế kỷ XXI.

CÁCH MẠNG NĂNG SUẤT TRONG CÁC DOANH NGHIỆP - YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH THĂNG TIẾN CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Chúng ta đang bước vào một thế kỷ mới, thế kỷ của công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ quản lý và công nghệ vũ trụ... Những cơ may và thách thức đòi hỏi chúng ta phải có bản lĩnh để giành lấy những cơ may, vượt lên dòng thời cuộc, đưa đất nước trở thành một cường quốc kinh tế và văn hóa trong thế kỷ XXI. Nền kinh tế thế giới đang bước vào hiện nay thì tri thức được coi là nguồn lực kinh tế chủ yếu. Các nhân tố sản xuất truyền thống như: Đất, lao động, vốn tài nguyên, tuy vẫn quan trọng nhưng tụt xuống hàng thứ hai, bởi người ta có thể có được chúng một cách dễ dàng nếu có tri thức. Tất nhiên cùng với nó thì phải có biện pháp

để ứng dụng tri thức vào cuộc sống, tức là phải biết tổ chức sử dụng vốn tri thức của nhân loại để tạo ra kết quả sản xuất cao hơn. Việc ứng dụng các tri thức vào tổ chức lao động đã làm tăng mạnh mẽ năng suất lao động ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ngay từ năm 1881 cuộc cách mạng năng suất đã bắt đầu, F. Taylor (1856-1915) lần đầu tiên đã áp dụng tri thức vào công việc để hiệu quả cao nhất trong sản xuất. Ông đã nhìn triển vọng của công việc này và điều quan trọng là ông đã biết sắp đặt các công nhân làm việc có năng suất hơn và do đó có thể kiếm được nhiều khoản tiền lương, động cơ chính của ông là tạo ra một xã hội trong đó chủ và thợ đều có chung một lợi ích là phải nâng cao năng suất trên cơ sở vận dụng tri thức và tổ chức lao động hợp lý hơn. Động cơ của F.Taylor chính là nhằm mục đích tạo ra nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp và lợi ích của việc nâng cao hiệu quả sản xuất đó chủ yếu sẽ thuộc về những người công nhân chứ không phải thuộc về các ông chủ. Phương pháp quản lý theo kiểu F. Taylor đã được nước Mỹ vận dụng một cách có hệ thống để đào tạo ra những công nhân có tay nghề giỏi chỉ trong vài tháng. Chính điều đó giải thích tại sao Mỹ đã có thể vượt qua cả Đức và Nhật chỉ trong một thời

gian ngắn, cuộc cách mạng năng suất phải mất 70 năm (từ 1880 đến kết thúc thế chiến II), còn cuộc cách mạng quản lý cũng đã trải qua gần 50 năm (từ 1945 đến 1990) để có thể mở rộng ra toàn cầu. Khi quản lý có hiệu quả tức là đã biết vận dụng tri thức vào tri thức để có thể gia tăng nguồn nhân lực khác. Chính vì thế, hiện nay người ta đã có một định nghĩa mới về người quản lý (theo sách *Nền Kinh tế tri thức*, Nhà xuất bản Butterworth Heinemann 1998).

Việt Nam đang ở giai đoạn đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi chúng ta phải tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tiến hành cuộc cách mạng về năng suất để nâng cao hiệu quả của nền sản xuất, bởi cho đến hiện nay năng suất lao động của chúng ta rất thấp; chi phí lại cao; hệ thống quản lý công kênh; trình độ quản lý ở các doanh nghiệp đa phần là yếu do vậy bức xúc là phải cải tiến quản lý để nâng cao năng suất lao động. Chỉ có như vậy chúng ta mới nâng cao phúc lợi xã hội và tạo ra sự giàu có cho mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Có thể chúng ta có một lực lượng lao động trẻ được đào tạo những kiến thức phổ quát tương đối cơ bản, nhưng những kỹ năng điều hành và

phương pháp sáng tạo trong lao động và trong quản lý con người thì chưa được đầu tư thỏa đáng trong các hệ thống đào tạo, từ đào tạo nghề cho đến đào tạo đại học và trên đại học. Do đó trường đại học, cao đẳng thì nhiều song những trường đào tạo có sắc thái riêng, đào tạo những kỹ năng đặc biệt như trường Harward của Mỹ, hoặc Oxford của Anh thì ta chưa có, vì ta cứ đào tạo chung chung. Vì thế sự cần cù và thông minh của người Việt Nam chưa được quy tụ để tạo ra một cuộc cách mạng về năng suất. Cũng từng đó lao động, vốn, đất đai, tài nguyên nhưng nếu biết đào tạo một đội ngũ quản lý có chuyên môn tốt hơn, có khả năng điều hành và vận dụng những tri thức mới tốt hơn thì sẽ có khả năng phát huy tài năng của mỗi doanh nghiệp và cả cộng đồng hiệu quả hơn. Bài toán bức xúc đặt ra cho mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế là phải nhanh chóng cải tiến quản lý, cải tiến điều hành tác nghiệp hàng ngày để sử dụng một cách hiệu quả các thao tác trong sản xuất, quỹ thời gian trong mỗi doanh nghiệp và công sở, cải tiến các thủ tục hành chính giữa người dân với bộ máy công quyền, giữa các doanh nghiệp và bộ máy này để với một thời gian ít nhất, với số lượng các thủ tục ít nhất và với một chi phí ít nhất

có thể tạo ra nhiều lợi nhuận nhất cho doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Đây là bài toán phải đặt trên bàn nghị sự của mỗi doanh nghiệp, mỗi công sở và cả quốc gia. Cuộc cách mạng năng suất đòi hỏi phải được tiến hành đồng bộ từ các doanh nghiệp, công sở cho đến bộ máy điều hành vĩ mô. Điều này chúng ta hoàn toàn có thể làm được bởi không cần phải thêm vốn, không cần thêm thời gian mà chỉ cần thêm dũng khí, thêm sự đầu tư trí tuệ và một cái đầu ham hiểu biết, dám vứt bỏ những thủ tục, những thói quen lạc hậu để vận hành doanh nghiệp hay công sở mình một cách khoa học hơn, hiệu quả hơn. Ngày nay, các doanh nghiệp Việt Nam muốn chủ động hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu tất yếu phải tạo ra một cuộc cách mạng năng suất trong nội bộ các doanh nghiệp. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải được hoạch định sao cho có lợi nhuận cao nhất. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nào có hàm lượng tri thức cao, tạo ra các sản phẩm chính xác, chất lượng cao phục vụ cho nền kinh tế. Người ta đã tính toán rằng đầu những năm 80, 80% chi phí của một máy tính là phần cứng, 20% là phần mềm, thì tỷ lệ này đã đổi ngược lại vào năm 1990, điều đó chứng tỏ

rằng vai trò của tri thức đã tăng lên nhanh chóng từ trong thực tế sản xuất kinh doanh, nó đang diễn ra trong nền sản xuất xã hội chứ không phải ý muốn chủ quan của ai đó. Các ngành dịch vụ truyền thống như viễn thông, vận tải, ngân hàng cũng đang có sự chuyển biến rất lớn sang các sản phẩm có giá trị cao. Ngày nay, chiến lược của các công ty trên thế giới không chỉ tập trung vào các sản phẩm hữu hình nữa mà còn chuyển sang tập trung tung ra những tri thức được chuyên môn hóa. Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong thế kỷ XXI phải quan tâm đến tính đổi mới và hàm lượng tri thức cao trong các sản phẩm hàng hóa, muốn có điều đó thì phải có một đội ngũ nhân viên có kiến thức tốt, thạo việc và năng động. Nguồn lực con người và khả năng đổi mới không ngừng sẽ là chìa khóa để dẫn dắt tạo ra năng suất cao, đồng thời cũng tạo ra sự tăng trưởng cho mỗi doanh nghiệp và cả quốc gia. Có 3 kỹ năng quan trọng để dẫn dắt sự tăng trưởng của các doanh nghiệp mà chúng ta chưa đầu tư đào tạo đến nơi đến chốn:

- Kỹ năng giải quyết các vấn đề nhanh chóng, vì lợi ích của khách hàng chứ không vì lợi ích riêng của doanh nghiệp.

- Kỹ năng giúp khách hàng hiểu nhu cầu của họ và biết cách làm thế nào để những nhu cầu đó được phục vụ tốt nhất bởi các sản phẩm hữu dụng.

- Kỹ năng liên kết, phân công hợp lý các tầng nấc trong bộ máy hành chính và bộ máy quản lý trong doanh nghiệp, các công sở. Người quản lý phải phân công, phân nhiệm và kiểm soát thường xuyên công việc giao cho đúng tài năng của từng người trong guồng máy, cất nhắc kịp thời, đảm bảo chữ tín của các quyết định. Những người được đảm trách từng công việc phải hiểu biết đầy đủ về công nghệ và các thị trường cụ thể để tìm ra những tiềm năng, cơ hội đầu tư cho những sản phẩm mới, biết kết hợp các đối tác để giải quyết vấn đề, biết nhận dạng vấn đề để thực hiện các dự án. Họ cũng phải là những nhà môi giới, những nhà ngoại giao tài ba.

Ngày nay, trong các doanh nghiệp lợi nhuận không chỉ xuất phát từ quy mô và khối lượng sản phẩm mà cái chính là từ việc liên tục phát hiện ra và tạo lập các mối quan hệ mới để xây dựng những giải pháp nhằm thỏa mãn các nhu cầu.

Hiện nay có một xu hướng mà các doanh nghiệp Việt Nam không thể không quan tâm, đó là

các doanh nghiệp thành đạt đa phần ngày càng thu nhỏ quy mô. Các doanh nghiệp có hiệu quả nhất chính là họ có thể duy trì hoặc tăng sản lượng trong khi vẫn giảm đều số công nhân của nó, họ cố gắng vươn tầm quan hệ ra toàn cầu. Giảm quy mô đã trở thành một chỉ số của hiệu quả kinh tế và lợi ích năng suất, điều quan trọng của các quốc gia là cần phải tạo dựng một chiến lược kinh tế thúc đẩy việc giảm quy mô của các doanh nghiệp và tái phân bổ các nguồn lực sản xuất sao cho có hiệu quả nhất. Nền kinh tế của chúng ta cũng phải được khuyến khích mạnh mẽ cho việc tiếp nhận các cơ hội kinh tế trên thị trường quốc tế.

Đứng trước các thách thức về lãi suất thỏa thuận, thực hiện bãi bỏ thuế quan vào năm 2006, cải cách hành chính... đòi hỏi các doanh nghiệp phải:

1 - Giảm chi phí, đổi mới thật sự về hệ thống quản lý, phát triển thị trường để nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

2 - Nhà nước đóng vai trò như một thực thể của đàm phán, còn năng lực sản xuất phải mở rộng ra phạm vi toàn cầu. Nhà nước Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sĩ đã trở thành những thực

thể đàm phán, còn các năng lực sản xuất thì lại nằm nhiều ở các quốc gia khác. Chẳng hạn, 98% năng lực sản xuất của hãng sữa Nestle là ở nước ngoài; 20% năng lực sản xuất của Hoa Kỳ cũng nằm ở các quốc gia khác.

3 - Các doanh nghiệp, địa phương phải đầu tư nhiều hơn cho các giải pháp giảm chi phí sản xuất, hợp lý hóa dây chuyền sản xuất để nâng cao năng suất lao động.

4 - Nâng cao trình độ quản lý cho các doanh nghiệp.

5 - Khuyến khích các doanh nghiệp phải tham gia vào các câu lạc bộ chất lượng, câu lạc bộ doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Bước vào thế kỷ XXI Việt Nam cần phải có một chiến lược hữu dụng hơn về quản lý con người nhằm tạo ra sự tăng lên đột biến về kiến thức trong mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp, nâng cao năng suất, tạo ra sự giàu có cho mỗi doanh nghiệp và sự phồn vinh của quốc gia.

CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

Đất nước muốn phát triển nhanh đòi hỏi phải có một chiến lược thông minh về tiến cử và trọng dụng nhân tài. Đây chính là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa phồn vinh cho dân tộc trong thế kỷ XXI. Chúng ta có thể chưa đạt được trình độ phát triển cao về khoa học công nghệ, cũng như những điều kiện tốt của hệ thống cơ sở hạ tầng, nhưng những điều đó không cản trở việc chúng ta trở thành một con rồng kinh tế trong vài thập niên đầu ở thế kỷ XXI nếu như chúng ta biết đầu tư, hoạch định và thực thi một chiến lược có hiệu quả về đào tạo, tiến cử và trọng dụng nhân tài. Sẽ là không khôn ngoan nếu chỉ biết nhấn mạnh một mặt của vấn đề đó là đào tạo nguồn nhân lực mà quên đi mặt thứ hai đóng vai trò cực kỳ quan trọng đó là đánh giá,

tiến cử, trọng dụng một cách quyết liệt những nhân tài, đặt những nhân tài đúng lúc, đúng chỗ để từ những vị trí phù hợp đó trong hệ thống phân công lao động xã hội thì những nhân tài đó mới có thể phát huy được những kiến thức, tài năng, dũng khí của họ cho sự thăng tiến của mỗi một doanh nghiệp, mỗi công sở, mỗi địa phương và cả quốc gia trong dòng chảy sôi động của nền kinh tế thế giới. Có thể nói trong gần 20 năm qua, nền giáo dục của đất nước đã đóng góp hết sức tích cực vào việc đào tạo ra một đội ngũ những nhân tài ở nhiều lĩnh vực khác nhau: nhân tài trong lĩnh vực chính trị, quản lý, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, văn học nghệ thuật, doanh nghiệp, quân sự..., nhưng chúng ta đang thiếu vắng một chiến lược và một hệ thống chính sách thực thi về tiến cử và trọng dụng nhân tài. Với một hệ thống hành chính còn công kênh nên một số nhân tài đã không được cất nhắc đúng với tài năng của họ và do một nền hành chính chưa tạo ra những điều kiện thuận lợi cho vai trò quyết đoán của các cá nhân, cho nên nhiều ý tưởng sáng tạo trong quản lý, khoa học công nghệ đã không được đem ra ứng dụng kịp thời cho sự giàu có của mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương

họ đều có những con đường để tự khẳng định mình, bằng tài năng, đức độ của họ, quần chúng sẽ phải tiến cử họ vào những vị trí xứng đáng trong hệ thống phân công lao động xã hội của đất nước. Không có lực lượng nào có thể cản trở được bước tiến của nhân tài. Thời gian sẽ là lực lượng hết sức quan trọng để nâng đỡ, thúc đẩy những nhân tài gánh vác những trọng trách lớn lao mà đất nước giao phó cho họ. Điều quan trọng là các nhân tài phải có dũng khí làm việc lớn, phải tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong thực tiễn, phải tự học suốt đời để không ngừng cập nhật những thông tin mới, đảm đương một cách hiệu quả những công việc mà hệ thống phân công lao động xã hội giao phó.

Để có một chiến lược cán bộ hữu dụng trong thế kỷ XXI, chúng ta cần thực hiện các giải pháp sau:

1 - Hoạch định một chiến lược tiến cử nhân tài, trọng dụng nhân tài, quy định trách nhiệm của người quản lý các cấp trong nhiệm kỳ của mình phải tiến cử, cất nhắc một số nhân tài vào các vị trí khác nhau; phải coi việc tiến cử nhân tài là một tiêu chí để cất nhắc những vị trí cao hơn.

+ Khuyến khích các cá nhân tiến cử nhân tài,

và cả đất nước. Đã thế nhiều vị đứng đầu ở các cơ quan, doanh nghiệp đã thiếu trách nhiệm trong việc tiến cử nhân tài, không dám ra những quyết định phù hợp để cất nhắc nhân tài, trong khi việc gì cũng dựa vào ý kiến tập thể mà không dám mạnh dạn tiến cử, mạnh dạn luân chuyển cán bộ, thực thi các quyết định cá nhân, khiến cho việc bổ nhiệm, việc cất nhắc nhân tài bị trì trệ. Điều đó khiến cho nhiều doanh nghiệp, nhiều cơ quan và nhiều địa phương không phải là thiếu nhân tài mà lại chính là do không dám cất nhắc nhân tài. Đây là một nguy cơ đối với nền kinh tế đất nước, sai lầm này cần sớm được khắc phục để các nhân tài sẽ được phát huy nhanh chóng phục vụ đắc lực cho sự thăng tiến của nền kinh tế. Đã đến lúc mỗi người đứng đầu ở các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương đều phải tự xem xét lại chính mình xem đã cất nhắc tiến cử các nhân tài trong cơ quan, doanh nghiệp mình chưa hay còn để bỏ sót ai, có đủ dũng khí để cất nhắc ai? Một trong những trách nhiệm của người lãnh đạo các cơ quan là phải cất nhắc, tiến cử nhân tài, đến lượt họ những người được tiến cử lại phải phán xét những kẻ vô trách nhiệm trong việc bỏ sót nhân tài. Tất nhiên mỗi nhân tài

họ đều có những con đường để tự khẳng định mình, bằng tài năng, đức độ của họ, quần chúng sẽ phải tiến cử họ vào những vị trí xứng đáng trong hệ thống phân công lao động xã hội của đất nước. Không có lực lượng nào có thể cản trở được bước tiến của nhân tài. Thời gian sẽ là lực lượng hết sức quan trọng để nâng đỡ, thúc đẩy những nhân tài gánh vác những trọng trách lớn lao mà đất nước giao phó cho họ. Điều quan trọng là các nhân tài phải có dũng khí làm việc lớn, phải tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong thực tiễn, phải tự học suốt đời để không ngừng cập nhật những thông tin mới, đảm đương một cách hiệu quả những công việc mà hệ thống phân công lao động xã hội giao phó.

Để có một chiến lược cán bộ hữu dụng trong thế kỷ XXI, chúng ta cần thực hiện các giải pháp sau:

1 - Hoạch định một chiến lược tiến cử nhân tài, trọng dụng nhân tài, quy định trách nhiệm của người quản lý các cấp trong nhiệm kỳ của mình phải tiến cử, cất nhắc một số nhân tài vào các vị trí khác nhau; phải coi việc tiến cử nhân tài là một tiêu chí để cất nhắc những vị trí cao hơn.

+ Khuyến khích các cá nhân tiến cử nhân tài,

qua thư, qua trình bày trực tiếp với các cơ quan hữu trách.

+ Ý kiến của các cấp ủy tiến cử.

+ Ý kiến cá nhân của người lãnh đạo các cấp tiến cử.

+ Ý kiến của những người dân bình thường tiến cử.

2 - Phải có chính sách tặng thưởng thỏa đáng cho những người có dũng khí tiến cử nhân tài.

3 - Phải có chiến lược cụ thể về trẻ hóa cán bộ ở mọi cấp và coi trọng bằng cấp.

+ Trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Dứt khoát phải mạnh dạn đề bạt cán bộ từ 30 đến 45 tuổi từ cấp xã, huyện, tỉnh đến các ban, ngành của Trung ương.

+ Mạnh dạn bổ nhiệm vượt cấp các cán bộ trẻ.

+ Coi trọng bằng cấp.

+ Coi trọng những người có kinh nghiệm thực tiễn.

4 - Tạo một cơ chế cho người đứng đầu các cơ quan được toàn quyền quyết định cất nhắc nhân tài nếu đúng hay sai đều phải chịu trách nhiệm.

5 - Quy trình ra quyết định cất nhắc, đề bạt phải nhanh chóng cần khắc phục triệt để việc để lâu khi ra quyết định, phải tin cấp dưới, có tin thì họ mới toàn tâm, toàn ý làm việc, cống hiến.

6 - Tăng cường biên chế cho bộ máy hành chính cấp xã để thu hút những người có bằng cấp về địa phương công tác.

7 - Phát triển các trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu trong các hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội để quy tụ các nhân tài vào các tổ chức nghề nghiệp.

8 - Giảm biên chế ở các ban ngành, bộ.

9 - Phát triển mạng Internet, mạng điện thoại tới tận vùng sâu, vùng xa và hệ thống thư viện tới các làng bản để mọi người dân có những cơ hội phát triển tri thức và tăng cường các cơ hội giao lưu. Chính điều đó sẽ tạo ra mảnh đất tốt để các nhân tài ở mọi miền đất nước được nuôi dưỡng, được đào tạo và phát triển.

10 - Có chế độ đãi ngộ song song cả theo ngạch quản lý từ thấp lên cao và ngạch chuyên môn. Tức là trước đây chúng ta chỉ đãi ngộ theo chức vụ mà

chưa quan tâm đến đãi ngộ theo sản phẩm khoa học công nghệ, những sản phẩm văn học nghệ thuật của các công chức hoặc là những người dân bình thường, khiến cho nhiều người cứ phải bon chen đi theo con đường quan chức. Đã đến lúc phải coi trọng đãi ngộ song hành vừa theo chức vụ, vừa theo cống hiến trong nghề nghiệp và cống hiến đối với quảng đại xã hội (chẳng hạn người viết 10 bài báo thì phải nâng lương cho họ 1 bậc, người viết 1 cuốn sách phải nâng cho họ một bậc, người có giải thưởng khoa học cấp trường, cấp tỉnh hay cấp bộ, cấp quốc gia cũng phải nâng lương cho họ một đến vài bậc; người có những cống hiến đặc sắc trong lĩnh vực văn học nghệ thuật cũng phải nâng lương cho họ, sao cho một giáo sư đầu ngành cũng phải có một khoản đãi ngộ để họ có thể đi xe riêng như một ông bộ trưởng; một tiến sĩ khoa học phải được phụ cấp ngang với một bí thư huyện ủy của một địa phương), như thế sẽ tạo ra nhiều con đường thẳng tiến cho mọi người và ai cũng phấn đấu miệt mài theo nghề nghiệp, tài năng của mình, không bon chen chỉ theo một con đường quan trường nhất định.

11- Cần có những đãi ngộ cho những người nông dân chăm chỉ, cần cù, họ cần được đóng bảo

hiếm để đảm bảo cuộc sống một cách xứng đáng như bất cứ một nghề nghiệp nào.

12- Có nhiều giải thưởng cho những nhà khoa học giỏi, những nhà quản lý giỏi, những nhà lý luận khoa học xã hội giỏi, những nhà tư tưởng cho đất nước.

13- Cần có nhiều giải thưởng để khuyến khích các nhà doanh nghiệp đóng góp cho đất nước.

TIỀN CỬ, CẤT NHẮC NHÂN TÀI

Chúng ta đang chứng kiến một thời khắc cực kỳ quan trọng trên lộ trình tiến tới sự giàu có và phồn vinh của đất nước. Khát vọng làm giàu, tạo dựng một truyền thống kinh tế đang trở thành một động lực thôi thúc cả cộng đồng Việt Nam trong và ngoài nước. Chiến lược làm giàu đang trở thành sự quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp, công sở và cả quốc gia. Nhưng làm giàu bằng cách nào và một hệ thống biện pháp ra sao để có thể gia tốc dòng chảy lợi nhuận của mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế đang là mối quan tâm của lãnh đạo các cấp, vi mô đến vĩ mô cho đến từng người dân. Những bài học quý giá của lịch sử đã cho thấy giải pháp hàng đầu để thúc đẩy sự phồn vinh của mỗi gia đình, doanh nghiệp và cả đất nước chính là phải biết và dám đầu tư cho nhân tài, dũng cảm tiến cử nhân tài ở bất cứ lĩnh vực nào, để nhân tài

có điều kiện thuận lợi phụng sự hiệu quả cho mỗi công sở, doanh nghiệp và đất nước.

Nhân tài là gì? Nhân tài chính là những người có kiến thức sâu sắc về một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực, có dũng khí, dám nghĩ, dám làm, dám suy nghĩ, đề xuất các ý tưởng mới, giải pháp mới vì lợi ích chung, công tâm và điều quan trọng hơn là phải biết cách tổ chức các nguồn lực để tạo ra nhiều của cải cho mỗi doanh nghiệp và đất nước. Bấy lâu nay, chúng ta chỉ biết coi trọng một khía cạnh nào đó của nhân tài, chẳng hạn, chỉ biết đề cao kinh nghiệm, đề cao bằng cấp mà chưa quan tâm đến dũng khí dám nghĩ, dám làm, dám đề xuất cái mới và đặc biệt tới tài tổ chức của nhân tài. Xét đến cùng, nhân tài phải có óc tổ chức, phải biết thực thi, huy động những cộng sự để triển khai các ý tưởng mới ở cấp vi mô và vĩ mô, biến những ý tưởng, chỉ thị, nghị quyết thành những kết quả cụ thể. Không những thế, một trong những tài năng của nhân tài phải được chú ý là nhân tài đến lượt họ lại phải có năng lực cân nhắc, tiến cử những nhân tài khác cho các cấp. Đây là một vấn đề cốt lõi của nhân tài, của thủ lĩnh trong mỗi doanh nghiệp, công sở, mỗi địa phương và nền kinh tế. Nhiều nhân tài đã trở thành người vạch

thời đại, những người đã để dấu ấn oanh liệt của mình bằng qua nhiều thế kỷ, đem lại những kỳ tích cho mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia chính là họ dám dũng cảm tìm đến những nhân tài, tiến cử họ, mời họ, cân nhắc họ cho doanh nghiệp mình, cho quốc gia, xã tắc. Những người đó quả thực đã, đang và sẽ xây những nền móng cho sự vinh quang muôn thuở cho mỗi doanh nghiệp và đất nước.

Xưa nay, những bậc đế vương anh minh đều là những người gần gũi với nhân tài, lắng nghe nhân tài. Ngày xưa, Tề Tuyên Vương đã dám nghe một cô gái nhà quê tên là Chung Ly Xuân có nhan sắc bình thường, và có dũng khí phong cô ta làm hoàng hậu, chính vì cô ta dám hết lòng khuyên can và hiến kế giúp Đại vương xa lánh gian thần, gần gũi người hiền tài, sớm hôm lo trị nước. Chung Ly Xuân đã có câu nói nổi tiếng rằng: "Vua có bề tôi chính trực thì không sợ mất nước, cha có đứa con ngoan thì không sợ mất nhà". Vì trọng người hiền tài nên Tề Tuyên Vương đã thường xuyên hỏi ý kiến cô gái thông minh đó khi giải quyết việc triều chính, từ đó nước Tề luôn ổn định, yên bình.

Bất luận ngày nay hay ngày xưa, người lãnh đạo, chỉ huy, đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp

muốn quản lý có hiệu quả thì bên cạnh mình không thể thiếu những người tài, đức để hiến kế, tư vấn giúp mình những công việc hiện tại và tương lai. Đó chính là những người "tâm phúc" của người đứng đầu các công sở, doanh nghiệp.

Người thủ lĩnh lãnh đạo của bất cứ lĩnh vực nào có năng lực quy tụ những người tài trong bộ tham mưu của mình thì doanh nghiệp đó mới có hy vọng luôn có cơ may phát triển. Tất nhiên, muốn vậy một mặt phải tìm kiếm, mặt khác phải để công đào tạo, khuyến khích, thôi thúc nhân tài. Biết trọng dụng nhân tài thì nhân tài sẽ quý trọng và sẽ tìm đến giúp doanh nghiệp hay cơ quan đó. Doanh nghiệp hay quốc gia nào quy tụ được một lực lượng nhân tài, biết phân công phân nhiệm rõ ràng trọng dụng bằng vật chất và tinh thần, để nhân tài ở các cấp cống hiến hết mình, kích thích dòng nhiệt huyết của họ thì doanh nghiệp hay quốc gia đó sẽ phồn vinh mãi mãi.

Tất nhiên, chọn người tâm phúc phải chọn những người có trí thông minh, giỏi suy tính, phân biệt được đúng, sai, dự báo được tình hình, chuyên cần với công việc, công tâm, dũng cảm vì nghĩa lớn,

dám hy sinh vì lợi nhỏ vì tiền đồ của thủ trưởng và cơ quan để phấn đấu đạt được những giá trị lớn lao cho doanh nghiệp và đất nước.

Điều đó đòi hỏi người đứng đầu của một cơ quan hay một doanh nghiệp phải biết phát huy những người "tâm phúc", khai thác những sở trường cho công việc như gợi ý họ đề xuất những ý kiến có lợi cho doanh nghiệp, gợi ý các biện pháp mới, cung cấp cho người lãnh đạo những tin tức nhiều chiều, đồng thời lại cần có những người chịu khó triển khai các công việc một cách chi tiết thì bất luận người lãnh đạo ở lĩnh vực nào cũng giành lấy đỉnh cao của sự thành công cho cơ quan mình, tạo điều kiện cho cả một đội ngũ cộng sự trưởng thành, gắn bó với mình.

Ngày xưa Lưu Bang sở dĩ thành công là do ông ta đã dám cất nhắc nhân tài ở các lĩnh vực như: Tiêu Hà, Hàn Tín, Phàn Khoái, Trương Lương... hay Tào Tháo võ nghệ cao cường, dũng cảm, thiện chiến, lắm kế, nhiều mưu, nhưng điều đáng suy ngẫm là ông ta biết bồi dưỡng những trợ thủ đắc lực. Bên cạnh ông có đầy đủ các nhân tài văn võ: Mưu sĩ có Tuân Vực, Quách Gia, Lữ Kiều, Mãn

Lộng, Trình Dục, võ tướng có Trương Liêu, Hứa Chử, Tử Quảng...

Tể tướng Tiêu Hà cũng có một năng lực phi thường là dám tiến cử hiền tài, khi ông tiến cử Hàn Tín với Hán vương Lưu Bang ông đã phân tích cái lợi của việc dùng nhân tài Hàn Tín: "Các tướng lĩnh kia dễ kiếm chứ Hàn Tín thật khó tìm. Nếu đại vương chỉ muốn làm vua chư hầu ở đất Hán Trung thì không cần đến tài trí của Hàn Tín. Còn muốn làm đế thiên hạ thì ngoài Hàn Tín chẳng ai giúp nổi đại vương".

Quả là không hổ thẹn người tiến cử, Hàn Tín đã dùng kế sách thu thiên hạ cho Hán vương: "Nếu đại vương tin dùng người tài ba, phong cấp cho kẻ có công, mang đại quân uy dũng mà nhân nghĩa tiến về phương đông thì thiên hạ sẽ sẵn sàng nằm trong tay của đại vương".

Nghiên cứu những kinh nghiệm quý giá của lịch sử đòi hỏi chúng ta phải mạnh dạn có một hệ thống chính sách đãi ngộ về lợi ích để trọng dụng nhân tài, tiến cử kịp thời, phân công đúng tài của họ, chẳng hạn cần phải có các biện pháp khắc phục những bất cập: Lương của một người khi bảo vệ

xong luận án tiến sỹ họ vẫn chưa được thêm một bậc lương nào. Đây là một điều bất cập nghiêm trọng trong chính sách xã hội, do đó, không phát huy được nhân tài, tài năng. Chính điều đó đòi hỏi Nhà nước phải nghiên cứu và cải tiến gấp vấn đề này. Theo chúng tôi, đối với những người có bằng:

+ Thạc sỹ phải nâng 2 bậc lương cho họ.

+ Tiến sỹ phải nâng 4 bậc lương cho họ.

+ Đối với các PGS, GS, nhà giáo ưu tú, nhà giáo nhân dân nâng 4 bậc lương.

+ TS, PGS, GS cần có chế độ đãi ngộ về phương tiện xe cộ, nhà cửa và cộng thêm khoản phụ cấp (khoảng 200.000 đ - 300.000 đ/1 tháng) vào lương.

+ Đối với những tài năng quản lý cần có đãi ngộ xứng đáng cho họ, không câu nệ vào bằng cấp.

Theo kinh nghiệm của Trung Quốc gần đây, cần mạnh danh cất nhắc những người còn trẻ vào cán bộ chủ chốt từ cấp xã, quận, huyện, các ban, ngành của Trung ương. Tất nhiên vài năm sau lại cần bổ sung liên tục những người tốt nghiệp đại học những năm tiếp theo. Muốn cất nhắc, tiến cử nhân tài được rộng rãi phải được cụ thể hóa bằng

những chính sách một cách chi tiết, từ đó mới tạo hành lang pháp lý thuận lợi để nhân tài phát huy cho đất nước.

Nhân tài xung quanh người lãnh đạo các doanh nghiệp hay ở các ban ngành, chính là tài sản, là vốn quý giá nhất của mỗi cơ quan, doanh nghiệp, công sở và của đất nước. Nhân tài chính là nguyên khí của quốc gia. Vì thế muốn nâng cao việc cạnh tranh của các doanh nghiệp xét đến cùng chính là nâng cao việc cạnh tranh trong tìm kiếm, cất nhắc nhân tài, tin dùng nhân tài đúng lúc, đúng chỗ, tạo điều kiện thuận lợi cho họ phát huy, không ngừng sáng tạo ra những ý tưởng, những kế hoạch sản xuất, kinh doanh mới, những phương pháp quản lý mới... Muốn vậy, điều bức xúc hiện nay là các cấp, các ngành phải khẩn trương xây dựng quy chế tiến cử nhân tài, trong đó phải quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong việc bồi dưỡng định kỳ, cất nhắc định kỳ các nhân tài trẻ tuổi để phục vụ đất nước. Đó chính là con đường, giải pháp hàng đầu, là chìa khóa để mỗi doanh nghiệp, công sở và cả quốc gia tiến nhanh trên xa lộ giàu có, phồn vinh, hạnh phúc⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Có tham khảo tài liệu của GS-TS. Đỗ Nguyên Phương.

BÃI BỎ CƠ CHẾ XIN - CHO ĐỂ TÀI NĂNG CỦA CẢ CỘNG ĐỒNG ĐƯỢC PHÁT HUY

Trong thời gian dài trước đây và cho đến hiện nay chúng ta thường nói rằng dân là gốc, và hệ thống hành chính phải phục vụ dân, đó là một lý tưởng cao đẹp, nhưng trong thực tế chính những thủ tục hành chính mà chúng ta tạo ra lại đi ngược với lý tưởng cao đẹp đó. Tại sao vậy? Bởi vì hệ thống các đơn từ xin cho, các giấy phép đăng ký kinh doanh ở nhiều ngành còn qua nhiều khâu xét duyệt chính là vô hình chung đã biến cơ quan công quyền ở các cấp thành nơi "xét" để "cho" các nhu cầu của người dân đi "xin", mà không biết rằng đáng ra hệ thống công quyền đó phải có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của người dân. Các cơ quan công quyền theo đúng nghĩa chỉ là những nơi gắn kết các mối quan hệ xã

hội, điều hòa các mối quan hệ xã hội, bảo vệ người dân tạo cho mọi người dân có được các cơ hội bình đẳng để làm giàu và thăng tiến trong mọi lĩnh vực, phòng chống các tội phạm, điều hòa các bất bình đẳng... chứ không phải biến thành một cơ quan để sách nhiễu. Chính vì thế đã đến lúc các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách phải đầu tư nghiên cứu để sửa đổi các thủ tục hành chính như:

1. Thu gọn đầu mối các Cấp, các Ban ngành, các Bộ giảm bao cấp của các trung gian không cần thiết để tăng lương gấp 2 lần từ nay đến năm 2005.

2. Nghiên cứu để bãi bỏ các cuộc họp, các giấy tờ không cần thiết để dành thời gian suy nghĩ điều hành công việc hiệu quả.

3. Sửa đổi từ đơn từ của mọi cấp (cần phải bỏ khái niệm xin - cho), mà thay vào đó là khái niệm yêu cầu cơ quan công quyền phải giải quyết nguyện vọng của người dân cũng như các cấp trong một thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 15 ngày).

4. Bãi bỏ các thủ tục đăng ký kinh doanh sách nhiễu của các cấp, cơ quan nào ra quyết định thành lập các doanh nghiệp thì cơ quan đó có trách

nhệm trước pháp luật. Các Bộ chủ quản chỉ quản lý xem các doanh nghiệp hoặc các cơ quan cho thực thi đúng pháp luật của Nhà nước hay không. Thật là vô lý khi một cơ quan ra quyết định thành lập một doanh nghiệp hay một cơ quan nghiên cứu khoa học nhưng lại có một cơ quan khác làm thủ tục đăng ký kinh doanh, điều đó gây phiền hà cho người dân. Các cơ quan mà được thành lập đó chỉ cần gửi giấy thông báo đăng ký tới UBND quận, huyện nơi định đặt văn phòng là đủ.

5. Khuyến khích phát triển các Hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội để tạo điều kiện cho mọi người dân có được những cơ hội thuận tiện để giao lưu phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

6. Đầu tư nhiều hơn các dự án về phổ biến kiến thức kinh tế, pháp luật tổ chức cuộc sống cho người dân.

7. Đào tạo lại hệ thống công chức để thực sự tạo ra một bộ máy công chức công tâm vì dân, phải nghiên cứu và có quy chế để tránh bắt các cán bộ học quá nhiều bằng cấp chồng chéo mà kiến thức cần học thì lại không được học. Nếu ai thiếu chứng chỉ gì thì học chứng chỉ đó chứ không nên học lặp lại.

8. Nâng lương cho bộ máy hành chính theo bằng cấp để họ có thể sống bằng đồng lương chính đáng của mình, tránh mọi sự sách nhiễu.

9. Cải tiến hơn nữa quy trình xét duyệt hồ sơ, tiến cử nhân tài sao cho phải thực hiện được: Nhanh, chính xác, có trách nhiệm cao và ít tầng nấc, để tạo ra đội ngũ lớp lớp những nhân tài có đủ bản lĩnh, kiến thức, đạo đức để gánh vác cho đất nước. Phải mạnh dạn bổ sung những người trẻ tuổi từ 30 đến 45 vào các chức vụ quan trọng từ cấp xã, huyện, tỉnh và các Ban, ngành Trung ương, sao cho mỗi khóa cấp ủy các cấp phải có 1/5 những người có độ tuổi như trên tham gia vào cấp ủy, thực hiện thường xuyên chế độ luân chuyển cán bộ ở mọi cấp.

10. Phải biết học hỏi những tinh hoa của nền hành chính xưa và nay ở trong nước và trên thế giới.

11. Đã đến lúc phải xây dựng quy chế về trách nhiệm của người đứng đầu các cấp về trọng dụng, tiến cử nhân tài và phải gắn với những quyền lợi mà họ tiến cử đúng, xử phạt nghiêm minh khi họ thiếu trách nhiệm trong việc đề bạt, tiến cử nhân tài. Quy chế này phải quy định rõ thời gian trong

một năm để xét cất nhắc nhân tài, tiến cử nhân tài cho các cấp.

12. Áp dụng mạnh mẽ thành tựu của công nghệ thông tin để giải quyết mọi thủ tục cho người dân nhanh nhất, phải tạo ra thói quen phúc đáp yêu cầu của dân.

13. Chính phủ cần hình thành một ban nghiên cứu bãi bỏ các thủ tục nhiều khâu ở mọi ngành, mọi cấp để bộ máy hành chính được thông thoáng từ Trung ương đến địa phương, khắc phục sự lãng phí về thời gian, sức lực và tiền bạc của nhân dân.

14. Mỗi cơ quan từ địa phương đến các Bộ, Ban ngành Trung ương đều phải có quy chế cơ quan, phải phân quyền nhiều hơn cho các cấp dưới cho đến các chuyên viên, khoán ngân sách cho các tỉnh, các huyện theo kế hoạch ngân sách.

15 - Đẩy mạnh việc thực hiện quy trình hành chính "Một cửa" với các nội dung:

- Tập trung các phòng chuyên môn thuộc một cơ quan về một địa điểm gắn với trụ sở chính, hình thành một khu vực hành chính tập trung.

- Thành lập tổ tiếp nhận, xử lý và hoàn trả hồ sơ.

- Rà soát, cải tiến, điều chỉnh, công khai hóa thủ tục, đổi mới mẫu đơn từ, phí, lệ phí quy trình và thời gian nhanh nhất giải quyết hồ sơ.

- Tách các dịch vụ công ra cho các tổ chức sự nghiệp, các tổ chức xã hội làm.

+ Chẳng hạn Bộ Giáo dục và Đào tạo không làm thay các viện, các trường đại học việc xét duyệt hồ sơ của các nghiên cứu sinh, không ra quyết định Hội đồng chấm luận án tiến sĩ mà việc đó do các Viện, các Trường làm.

- Tạo ra một cơ chế tự điều chỉnh, tự thực hiện theo luật. Chẳng hạn Luật giáo dục và Luật KHXH cho phép các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ, cũng như các trường được phép đào tạo thì các tổ chức đó chỉ cần làm công văn thông báo với Bộ Giáo dục và Đào tạo là họ sẽ đào tạo theo chương trình nhất định chứ không phải xin phép các cơ quan nữa. Thông báo để biết khác hẳn với cơ chế "Xin - cho".

16. Ban hành quy chế ủy nhiệm ký và đóng dấu, quy chế làm việc giữa các phòng chức năng, xác định các văn bản thì cấp nào ký?

17. Khoản chi phí hành chính ở các cấp.

18. Thành lập quỹ lương hưu cho công dân từ Trung ương đến địa phương.

19. Có quy chế giúp cho những người tàn tật ở các địa phương.

20. Thành lập quỹ hỗ trợ thanh niên xung phong làm những công trình lớn.

21. Khuyến khích phát triển kinh tế biển.

22. Có chính sách khai thác di sản văn hóa phi vật thể ở các địa phương.

23. Tạm không xây dựng trụ sở các địa phương trong vòng 3-5 năm để đưa vốn vào:

+ Phát triển các làng nghề truyền thống;

+ Các tủ sách văn hóa xã;

+ Điện thoại các thôn, xã.

24. Mỗi tỉnh phải đầu tư một khu công nghiệp tập trung.

25. Phát triển các làng nghề truyền thống.

26. Mỗi tỉnh đều phải thành lập một số trường

đào tạo nghề, thẩm quyền thành lập các trường dạy nghề do Chủ tịch tỉnh ký.

27. Phải khuyến khích phát triển du lịch và lễ hội ở các địa phương.

Đó là những giải pháp quan trọng nhằm tạo ra một hệ thống hành chính năng động, hiệu quả, công tâm vì những lợi ích thiết thực của người dân, vì sự phồn vinh trong mỗi doanh nghiệp, công sở và cả đất nước.

ĐỔI MỚI HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHẪM NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA VÀ QUỐC TẾ

Có thể nói gần 20 năm đổi mới vừa qua đã cho chúng ta thế và lực mới để có thể biến những thách thức thành cơ may nếu chúng ta thực sự gắn kết sức người sức của, trí tuệ để dồn mọi nguồn lực vào đường ray chung của sự phát triển: Những cơ may đó là:

1. Những thành quả đáng khích lệ của gần 20 năm đổi mới, đặc biệt là trong 5 năm gần đây đã tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho chúng ta đẩy mạnh tích tụ, tập trung vốn cho phát triển nông nghiệp. Đó là: Tốc độ tăng GDP trong năm

năm qua vẫn tiếp tục được giữ vững ở mức độ cao sẽ cho phép chúng ta đẩy mạnh tích lũy từ nội bộ nền kinh tế nếu chúng ta thực hiện kiên quyết phương châm tiết kiệm trong mọi lĩnh vực để dồn vốn phát triển kinh tế.

2. Chính sự cạnh tranh trong nền kinh tế khu vực và thế giới, một mặt đã tạo ra sự thách thức cho các doanh nghiệp, mặt khác lại tạo ra cơ may vì nó các doanh nghiệp Việt Nam phải đổi mới mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa, đã tạo ra bài học cho mỗi gia đình, mỗi doanh nghiệp và cả quốc gia chúng ta phải dứt khoát từ bỏ việc đầu tư tràn lan vào địa ốc, tiêu dùng quá mức, dồn vốn đầu tư mua các dây chuyền công nghệ với giá rẻ hơn các ngành công nghiệp then chốt, mũi nhọn (cơ khí, điện tử, chế biến, may mặc, dầu khí, thủy sản...) để hướng về xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Một loạt chính sách mới ban hành của Nhà nước về khuyến khích đầu tư trong nước, hỗ trợ xuất khẩu, cùng với chính sách lãi suất thỏa thuận đã tạo điều kiện thuận lợi hơn để tích tụ, tập trung vốn phát triển nền kinh tế.

4. Việc thực hiện nghiêm chỉnh hơn chống tệ nạn tham nhũng, hối lộ, mua sắm tràn lan, cũng như ngăn chặn bằng nhiều biện pháp chống lậu thuế sẽ tăng thu cho ngân sách, giảm thất thoát cho ngân sách, gia tăng tích lũy vốn.

5. Việc đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước sẽ giúp Nhà nước thu lại một phần đáng kể nguồn vốn đó để đầu tư vào những ngành công nghiệp mũi nhọn.

6. Việc đẩy mạnh các cải cách hành chính nói chung và trong ngân hàng nói riêng cũng sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp làm ăn hiệu quả hơn.

7. Tâm lý người dân muốn đầu tư làm giàu đang được khởi động và trở thành một khát vọng của cả cộng đồng dân cư muốn tiết kiệm nhiều hơn để đầu tư sản xuất kinh doanh, muốn dồn vốn đầu tư cho tương lai (giáo dục, nâng cao tay nghề, mở doanh nghiệp, cửa hiệu...).

8. Tài nguyên thiên nhiên nước ta khá phong phú và đa dạng được khai thác có hiệu quả hơn cho sự phát triển công nghiệp nói riêng, cả nền kinh tế

nói chung (như công nghiệp dầu khí, than, hàng loạt mỏ vàng cũng sẽ được khai thác...), sẽ tăng nhanh thêm nguồn vốn tích lũy cho đất nước.

9. Đội ngũ lao động đông đảo hàng chục triệu người, có tay nghề cao và đa phần còn rất trẻ, cùng với đội ngũ trí thức giàu trí tuệ, kinh nghiệm sẽ là nguồn vốn vô giá đóng góp vào sự thăng tiến của nền công nghiệp nước nhà trong tương lai. Chính những điều đó đã, đang và sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi, những tiềm năng phong phú về vốn theo nghĩa rộng cho quá trình tích tụ và tập trung vốn trong thời gian 2003 - 2020 và xa hơn nữa nhằm tăng tốc nền kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam cũng đang đứng trước một số thách thức:

1. Việc áp dụng lãi suất tự do từ năm 2002 đòi hỏi các doanh nghiệp phải giảm chi phí, đổi mới hệ thống quản lý, có những dự án đầu tư tốt hơn, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ và nhân viên của doanh nghiệp mới có khả năng cạnh tranh tốt.

2. Đa phần các hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam có giá thành cao, thương hiệu chưa hấp

dẫn, do đó việc thực hiện lộ trình bãi bỏ thuế quan AFTA càng đòi hỏi một cách gay gắt các doanh nghiệp phải đổi mới cách quản lý, kinh doanh để nâng cao khả năng cạnh tranh.

3. Chính sách của Nhà nước về doanh nghiệp và về giáo dục, khoa học công nghệ, về trọng dụng nhân tài.

4. Hệ thống hành chính còn lăm thủ tục, công kênh, những công chức thạo việc, công tâm còn thiếu.

5. Tốc độ ra quyết định, tốc độ xử lý thông tin kinh tế chậm...

Những điều đó đang đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp "đột phá" trong quản lý của các doanh nghiệp từ dân doanh đến quốc doanh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, năng động, có sức cạnh tranh tốt để kích thích sức mua của người tiêu dùng, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường nội địa và quốc tế.

** Các giải pháp đổi mới hệ thống quản lý trong các doanh nghiệp:*

1. a - Các doanh nghiệp phải đầu tư sắp xếp lại cho hiệu quả.

+ Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp.

+ Sắp xếp lại các phòng ban, giảm các khâu trung gian, giảm chi phí sản xuất.

+ Đầu tư nhiều hơn vào con người, vốn, phương tiện nhiều hơn cho bộ phận tiêu thụ và tiếp thị.

+ Ban giám đốc các doanh nghiệp phải nâng cao trình độ quản lý, đặc biệt là trình độ tiếp thị.

b - Tiết kiệm chi phí sản xuất để nâng cao khả năng cạnh tranh.

c - Đẩy mạnh tích tụ và tập trung vốn để tạo ra sức mạnh cho doanh nghiệp.

d - Tăng cường đào tạo đội ngũ tiếp thị.

e - Phát triển mạng lưới các chi nhánh tiêu thụ. Phát triển mạng lưới tiếp thị nhanh nhạy, rộng khắp. Mở rộng thị trường tiêu thụ về nông thôn và sang các nước khác: ASEAN, cộng đồng EU, cộng đồng Pháp ngữ...

g - Tăng cường các biện pháp khuyến mại (giảm giá, bán trả góp, các tặng phẩm, quay số, trúng thưởng...).

h - Đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu của nhiều loại người tiêu dùng (hộ có thu nhập cao, thu nhập khá, thu nhập trung bình, thu nhập thấp).

i - Đổi mới thường xuyên cấu trúc sản phẩm; tăng các chức năng, công dụng của sản phẩm; thường xuyên tạo mẫu đẹp, hấp dẫn.

k - Luôn đổi mới phương thức phục vụ khách hàng.

+ Phục vụ qua điện thoại mang hàng đến tận nơi.

+ Phục vụ đến tận nhà, giúp khách hàng tận tình.

+ Có bảo hành tốt; có các tặng phẩm vào các ngày lễ, tết...

2 - Đổi mới hệ thống quản lý vĩ mô:

a - Hệ thống các đoàn thể, hiệp hội phải đổi mới mạnh mẽ theo hướng giảm bao cấp, biên chế, chỉ giữ lại một số biên chế nhất định, còn chuyển sang lao động tự nguyện, kiêm nhiệm hoặc chuyển thành các trung tâm tư vấn, nghiên cứu xã hội.

b - Chính phủ phải phân công, phân nhiệm chặt chẽ hơn, phải trẻ hóa đội ngũ, tiến tới 5 - 10 năm tới phải có những Bộ trưởng, thứ trưởng, phó thủ tướng ở độ tuổi 35,40,45.

c - Phân quyền nhiều hơn cho các tỉnh, thành phố.

d - Các tỉnh nên phân quyền nhiều hơn cho cấp huyện.

e - Các huyện nên chuyên tâm hơn vào quản lý vĩ mô, không làm thay cơ quan chuyên môn và các doanh nghiệp.

g - Phát triển hơn các viện nghiên cứu, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, giao cho họ thực hiện đào tạo, tư vấn, thực hiện một số dịch vụ công, xây một số khu trụ sở cho các hội nghề nghiệp thuê với giá ưu đãi.

Đó là các giải pháp tổng thể để đổi mới hệ thống quản lý, kích thích sức mua, tạo ra sự đột phá trong chất lượng hàng hóa và phương thức phục vụ của các doanh nghiệp nhằm tạo ra một bước nhảy vọt trong cạnh tranh trên thị trường và quốc tế.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

** Bối cảnh phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam.*

Tiến trình cải cách đang bước vào chiều sâu và toàn diện hơn về mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong thế kỷ XXI. Quá trình đổi mới đó đã tích lũy những kiến thức hết sức hữu ích, giúp chúng ta có một cái nhìn bình tĩnh, suy đoán sâu sắc hơn để hoạch định một lộ trình chiến lược cho sự phát triển. Sự chuyển đổi các quá trình kinh tế và việc cấu trúc lại các ngành kinh tế phải phù hợp với chiến lược hội nhập trong bối cảnh sự cạnh tranh của khu vực và quốc tế cũng tăng lên. Vì hội nhập vào nền kinh tế khu vực Đông Nam Á và toàn cầu là một tất yếu kinh tế không thể chối

bỏ, đòi hỏi mỗi một doanh nghiệp, mỗi một địa phương trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mình cần phải tính đến một cách cặn kẽ mối tương tác giữa doanh nghiệp với các địa phương, với nền kinh tế cả nước, kinh tế khu vực và toàn cầu. Cần phải dự báo, tính toán kỹ lưỡng giá thành sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phục vụ, chiến lược tiếp thị như thế nào để chủ động bước vào thị trường đó. Trong nền kinh tế tri thức mà chúng ta đang phát triển, người tiêu dùng luôn bị tràn ngập bởi các sự lựa chọn, do đó việc nhận ra nhãn hiệu hàng hóa nào bảo đảm sự tin tưởng của họ là một vấn đề hết sức quan trọng. Giống như vốn trí tuệ, phần đóng góp của các nhãn hiệu hàng hoá Việt Nam khó có thể được đo lường một cách chi tiết, nhưng nó sẽ phải chiếm phần ngày càng lớn hơn trong giá trị của mỗi một doanh nghiệp hay mỗi một địa phương và cả quốc gia chúng ta. Chính vì thế, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải hoạch định chiến lược sản xuất và kinh doanh một cách hiệu quả nhằm tung ra các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao, tạo ra lợi nhuận cao hơn và một tiềm năng tăng trưởng lớn hơn. Cạnh tranh và đổi mới các sản phẩm luôn đi cùng với nhau. Các tri

thức thường lan truyền nhanh hơn, do đó để cạnh tranh thì các doanh nghiệp phải có khả năng đổi mới nhanh hơn các đối thủ cạnh tranh của mình. Trong bối cảnh mà các luồng thông tin đang phát triển như vũ bão thì các doanh nghiệp và địa phương cần phải sử dụng tốt hơn vốn trí tuệ của mình. Điều đó đòi hỏi phải đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu các sản phẩm, phương pháp quản lý, phương pháp điều hành trong sản xuất và kinh doanh, tiềm năng con người của doanh nghiệp và địa phương mình, cần đánh giá và gia tăng hàm lượng tri thức mà họ sở hữu bằng nhiều con đường. Các doanh nghiệp và các địa phương cần phải có các giải pháp để giải phóng và sử dụng tốt hơn các tài sản trí tuệ như tài năng của nhân viên, các kinh nghiệm quản lý, sự trung thành của khách hàng và những tri thức tập thể ẩn chứa trong các công sở, các doanh nghiệp, các trường học, bệnh viện, các phương pháp sản xuất và trong những giá trị văn hóa truyền thống. Chúng ta phải học cách để chuyển các tri thức còn đang ở dạng tiềm năng đó hiện chưa được chỉ ra hoặc chưa được khai thác để sớm đưa vào vòng chu chuyển chiến lược nhằm tạo ra một nguồn lợi thế cạnh tranh quý giá

nhất của mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương và cả đất nước. Chúng ta đang có những cơ hội quý giá để gia tốc sự phát triển của nền kinh tế, đó là: Những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại, đặc biệt là trong lĩnh vực cơ khí, chế tạo, bưu chính viễn thông, vận tải, công nghiệp chế biến, điện tử..., bối cảnh năng động của nền kinh tế khu vực, các cải cách hành chính đang được tiến hành ở mức độ sâu sắc hơn, các thị trường truyền thống đang được khai thác lại, các thị trường mới đang được mở ra trong đó có thị trường Bắc Mỹ và các thị trường khác, hơn 90% dân số biết chữ và một hệ thống giáo dục từ cơ sở đến đại học khá phát triển đã cung cấp một nguồn nhân lực trẻ được đào tạo cơ bản là những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự thăng tiến của nền kinh tế. Những yếu tố đó cần được khai thác trên cơ sở một chiến lược tổng lực và phải có dũng khí cải cách một cách sâu sắc mới hy vọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh chóng. Trong khoảng 10 năm tới cần phải khuyến khích hơn nữa sự phát triển của giáo dục dạy nghề, giáo dục trung học phổ thông và đại học, cần hình thành nhiều hơn nữa các trường trung học phổ thông đảm nhận một phần công việc dạy nghề

để đào tạo nhiều hơn đội ngũ công nhân và trí thức có trình độ tác nghiệp vững vàng vừa phục vụ cho các doanh nghiệp, các công sở ở trong nước vừa phục vụ cho xuất khẩu lao động. Cần phải coi xuất khẩu lao động và đầu tư giáo dục tại các trường học quốc tế tại Việt Nam là một hướng đầu tư quan trọng. Việc phát triển các khu vực kinh tế ven biển, kinh tế biên giới, kinh tế biển là một hướng đi đầy triển vọng của nền kinh tế. Trong nông nghiệp cần phải phát triển hơn nữa kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại ở nông thôn và miền núi, gắn liền với các khu vực chuyên canh hàng hoá nhưng phải nằm trong các quy hoạch có sự hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng, công nghiệp chế biến để đảm bảo đầu ra cho các hàng hoá nông sản phẩm; cần phải đẩy nhanh tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất để các hộ gia đình chủ động trong sản xuất kinh doanh, luân chuyển vốn trong xã hội.

Nền kinh tế Việt Nam cần được cấu trúc tốt hơn để tiến vào các công nghệ mới và các quy trình quản lý hiện đại. Ngoài các công nghệ chế biến, công nghệ cơ khí chế tạo, công nghệ hoá học, năng

lượng, xây dựng và trí thức về quản lý trị trường, chúng ta phải đầu tư mạnh vào công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học và công nghệ môi trường, chiến lược này phải phối hợp cùng với sự đầu tư thỏa đáng cho khu vực viễn thông và phải đưa ra các chương trình kích thích nền kinh tế phát triển. Tất cả các trường học đều phải được đầu tư thỏa đáng hơn cho mạng lưới thư viện và việc truy cập Internet với tốc độ nhanh sao cho người được đào tạo từ các lĩnh vực kinh tế, khoa học và công nghệ phải chiếm tỷ trọng nổi trội để tung vào các lĩnh vực của nền kinh tế. Nhìn ra các quốc gia khác, chúng ta thấy nhiều quốc gia có ít tài nguyên thiên nhiên nhưng đã phát triển một cách thịnh vượng, bởi họ đã biết tạo thêm các giá trị hàng hóa, biết cách khai thác vị trí địa lý và bằng cách cung cấp các dịch vụ trung tâm như tài chính, ngân hàng, vận tải và các dịch vụ khác. Chính họ đã biết mở rộng các khả năng và kỹ năng của con người. Singapore là một quốc đảo đã biết làm như vậy. Ngày nay 1/2 số gia đình của Singapore đã có máy tính cá nhân và 1/5 số người dân đã được dùng Internet, nhiều nhà kinh tế đã

dự đoán rằng trong vòng 3 năm tới Singapore sẽ trở thành nền kinh tế thông tin đứng thứ hai thế giới. Có những quốc gia chỉ trong vòng 10 năm, nhờ dựa vào công nghệ thông tin và khai thác nguồn lực con người, họ đã trở thành những quốc gia hùng mạnh và cũng tương tự như vậy, có những doanh nghiệp đơn thuần rất ít được người khác biết đến, nhưng trong vòng 10 năm nhờ dựa vào sức mạnh của tri thức đã trở thành những tập đoàn kinh tế mạnh chiếm tỷ trọng từ 10 đến 15% tổng giá trị xuất khẩu của một quốc gia. Nokia của Phần Lan là một tập đoàn như vậy, đó là những gợi ý sinh động cho mỗi doanh nghiệp, mỗi địa phương và cả đất nước chúng ta trong mỗi đường đi, nước bước hoạch định chính sách nhằm cấu trúc lại nền kinh tế.

** Các vấn đề xã hội đặt ra khi phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam:*

1. Phương pháp xử lý thông tin trong kinh tế tri thức khác với kinh tế công nghiệp.

- Trong kinh tế tri thức thông tin rất nhiều đòi hỏi năng lực xử lý thông tin, thu hái thông tin và năng lực tổ chức thực hiện.

2. Vấn đề việc làm và phương pháp làm việc.

- Làm việc ở nhà (với vi tính, điện thoại, fax).

⇒ 1 tuần làm việc ở văn phòng (1-2 buổi)

⇒ Khoán theo công việc.

+ Trách tắc nghẽn giao thông.

+ Tiết kiệm thời gian tán gẫu ở văn phòng.

+ Tiết kiệm xăng xe.

+ Làm thêm được nhiều việc cho cá nhân và gia đình.

+ Kiên nhiệm thêm các công việc ở các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

+ Có thời gian nghiên cứu đề xuất những ý kiến mới.

3. Phương pháp quản lý trong các doanh nghiệp, công sở cũng phải thay đổi.

- Phân quyền mạnh hơn.

- Quản lý qua điện thoại.

- Biểu quyết qua điện thoại.

- Phân công qua điện thoại và văn bản.

4. Nền hành chính phải thay đổi thủ tục:

- Các dịch vụ công cộng phát triển.
- Các tổ chức xã hội nghề nghiệp phát triển.
- Các thủ tục hành chính xin - cho bị bãi bỏ chuyển sang cơ chế yêu cầu.

5. Những ứng xử trong gia đình thay đổi:

- Bữa cơm truyền thống chuyển sang một bữa trong ngày.

- Các trang bị (máy giặt, lò vi sóng, máy hút bụi, tủ lạnh) đã làm giảm nhẹ lao động.

- Các nhà trẻ trông trẻ cả ngày (cả chủ nhật). Các dịch vụ công ích giúp cho nhiều ông bố bà mẹ có nhiều thời gian chăm sóc con cái.

- Nhà ở ngoại vi thành phố trong vòng bán kính 20km - 40km được đề cao hơn.

- Phát triển nhà trên các trục giao thông ven đô thị.

6. Giáo dục y tế.

- Phát triển giáo dục:

+ Đào tạo từ xa

+ Tự học từ xa

+ Tự học

+ Phát triển giáo dục ở các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu của tổ chức xã hội nghề nghiệp, các trường tư thục ở mọi cấp (có các trung tâm đánh giá, cấp bằng). Có thể đến hết phổ thông tự học ở nhà và xin Nhà nước cấp bằng.

- Y tế các dịch vụ chăm sóc tại nhà.

7. Lĩnh vực tư vấn:

- Tư vấn việc làm.

- Tư vấn hôn nhân.

- Chăm sóc sức khỏe tại nhà

*** Định hướng và các giải pháp phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam:**

1. Coi trọng nhân tài, coi nhân tài là vốn quý của đất nước.

2. Hướng các doanh nghiệp, công sở vào khai thác những ưu thế của công nghệ thông tin.

3. Xây dựng quan điểm và phương thức điều hành ở tâm vì mô và vĩ mô phù hợp với kinh tế tri thức.

4. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, tìm kiếm mô hình mới, phát triển lý luận dựa trên bối cảnh mới của thời đại.

Để nền kinh tế tri thức Việt Nam phát triển nhanh, ổn định trong thế kỷ XXI chúng ta dứt khoát phải tính đến các giải pháp sau:

1. Các giải pháp về giáo dục, khoa học công nghệ.

1.1. Đầu tư thỏa đáng cho giáo dục, đặc biệt là giáo dục kỹ thuật; cần cải tiến hệ thống giáo dục, giao cho các viện, trung tâm nghiên cứu của các tổ chức xã hội nghề nghiệp được đào tạo từ cử nhân đến tiến sỹ; giao việc đào tạo tiến sỹ cho các cơ sở chứ Bộ chủ quản không nên làm thay.

1.2. Đầu tư nhiều hơn cho khoa học và công nghệ, khuyến khích các Viện nghiên cứu phi chính phủ thực hiện các dự án, đề tài khoa học; chính phủ cần cho họ mượn đất để xây trụ sở, vay vốn dễ dàng để thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ.

1.3. Khuyến khích quá trình học tập suốt đời của mọi công dân.

2. Các giải pháp tài chính, ngân hàng:

2.1. Sửa đổi hợp lý các chính sách tài chính, tiền tệ.

2.2. Phát triển mạng lưới ngân hàng ở khu vực nông thôn và miền núi, phải tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình và các xí nghiệp dân doanh được vay vốn dễ dàng để phát triển sản xuất.

3. Các giải pháp về cải cách hành chính:

3.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo chiều sâu, đẩy nhanh việc bãi bỏ cơ chế "xin-cho" bằng cơ chế "yêu cầu thực hiện".

3.2. Giảm các chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp.

3.3. Tăng lương để đội ngũ công chức đủ sống bằng lương của mình.

3.4. Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ của khu vực kinh tế dân doanh.

3.5. Đổi mới mạnh mẽ hệ thống quản lý trong doanh nghiệp Nhà nước và dân doanh theo 3 hướng:

- Mạnh dạn áp dụng công nghệ thông tin.
- Phân quyền mạnh hơn.

- Áp dụng cơ chế khoán sản phẩm chứ không quản lý theo giờ hành chính, giao việc về nhà để giảm bớt chi phí văn phòng, hội họp, đi lại.

Cải cách các doanh nghiệp Nhà nước theo hướng bán khoán, cho thuê các xí nghiệp làm ăn không hiệu quả, khuyến khích cổ phần hóa, chỉ giữ lại một số doanh nghiệp thiết yếu nắm giữ những ngành then chốt của nền kinh tế, khuyến khích các ngành dịch vụ phát triển, khuyến khích và phát triển nền kinh tế bằng cách giảm thuế.

Các qui chế làm việc ở trong công sở, công ty, viện nghiên cứu cũng phải thay đổi, bổ sung sao cho có thể khai thác tối đa những ưu thế của công nghệ thông tin, chẳng hạn cần phải xây dựng qui chế khi có người đi công tác xa vẫn có thể biểu quyết qua điện thoại, qua Fax để đảm bảo tốc độ và hiệu quả cao của các cuộc họp.

3.6. Phát triển các dịch vụ công.

4. *Các giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng*

4.1. Các giải pháp về phát triển hơn nữa giao thông nông thôn.

4.2. Phát triển kinh tế ven biển, các cửa khẩu biên giới.

4.3 Phát triển các dải đô thị trên một số trục đường giao thông.

4.4. Phát triển khu vực thông tin và viễn thông, tạo điều kiện để công chúng được thông tin tốt hơn và tham gia vào hoạt động xã hội ở mức độ cao hơn...

5. Các giải pháp về gia đình:

- Tuyên truyền nếp sống văn hóa, văn minh công cộng.
- Sử dụng thời gian tốt hơn để làm việc tại nhà.
- Khuyến khích mọi người tham gia các hội nghề nghiệp.

6. Các giải pháp về phát triển thị trường lao động:

- Coi trọng lao động trong khu vực dân doanh.
- Có điều luật về tự do lao động, luân chuyển lao động giữa các cơ quan, doanh nghiệp, không được khép kín, không được giữ lao động một cách khô cứng, mà chỉ khuyến khích lương, đãi ngộ, thang bậc hành chính, quyền tối cao ở từng người

lao động, họ có quyền quyết định lao động ở doanh nghiệp nào cơ quan nào để có thể phát huy cao nhất tài năng của họ cho xã hội.

7. Các giải pháp phát triển thương mại điện tử.

- Các doanh nghiệp phải mở rộng toàn cầu.
- Đẩy mạnh thưởng thức trên mạng.
- Đẩy mạnh học ngoại ngữ, vi tính, luật để thưởng thức tốt trên mạng.

8. Các giải pháp về trọng dụng nhân tài:

- Có chế độ cất nhắc, khuyến khích nhân tài.
- Có đãi ngộ xứng đáng.
- Có quy hoạch cất nhắc, qui hoạch đào tạo 1 năm, 2 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm cho các chức danh: Trưởng, phó, các ban, ngành, vụ, viện, trường học cho đến Thứ trưởng, Bộ trưởng các bộ, ngành.

9. Các giải pháp về đổi mới phương pháp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn thể xã hội, các hội nghề nghiệp, nhất là phải nghiên cứu các đặc trưng của hệ thống hành chính điều hành bằng điện tử, phát huy vai trò của "Chính phủ điện tử".

- Đảng và Nhà nước phải đầu tư nghiên cứu đổi mới: Quy trình ra quyết định, quy trình cất nhắc nhân tài, trẻ hóa cán bộ, tăng vai trò quyết định cho người lãnh đạo chủ chốt ở các cấp.

- Đẩy mạnh tính công khai, tính tốc độ nhanh của các quyết định, dân chủ trong các quyết định.

Đó là các định hướng và giải pháp để phát triển kinh tế tri thức Việt Nam, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thế kỷ XXI.

TRIỂN VỌNG CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Quá trình phát triển của nền kinh tế thế giới trong năm 2003 và những năm tiếp theo đang dẫn đến sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Những nhân tố quan trọng như: Mức tiết kiệm và đầu tư cao, khát vọng mạnh mẽ làm giàu của dân chúng, một nền giáo dục phổ cập rộng rãi và một đội ngũ trí thức tương đối đông đảo, sự quản lý kinh tế vĩ mô được quan tâm tốt hơn, đặc biệt là sự sẵn sàng thực hiện những cải cách kinh tế vĩ mô nhằm tạo điều kiện cho việc thay đổi cơ cấu kinh tế, mở cửa hơn nữa nền kinh tế, tăng cường xuất khẩu, tăng cường các cơ hội kinh doanh của cộng đồng dân cư... Tất cả những điều đó đang thúc đẩy tốc độ

tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Có thể nói, trong gần 20 năm đổi mới vừa qua chúng ta có một cách nhìn nghiêm túc về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở từng địa phương và cả quốc gia, quan tâm đến việc phát triển nông thôn và phát triển cơ cấu hạ tầng nông thôn; hệ thống giáo dục cũng được phát triển nhanh chóng; lĩnh vực giao thông, bưu điện, thương mại, văn hóa và y tế cũng được đầu tư tương đối khá; đặc biệt là đầu tư cho khoa học và công nghệ đã được quan tâm tốt hơn...

Mặt khác, nguồn lao động có trình độ và đông đảo đã và đang đóng góp tích cực vào sự thăng tiến của nền kinh tế. Tuy nhiên, để đạt được tốc độ tăng trưởng cao từ 7% đến 10% liên tục trong 2 thập niên đầu thế kỷ XXI nhằm đạt được sự thành công của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước, đưa Việt Nam trở thành một nước có nền công nghiệp phát triển thì dứt khoát phải có một chiến lược phát triển đồng bộ hơn, thông thoáng hơn và hữu dụng hơn trên cơ sở tổng hợp cao độ hơn nữa trí lực, tài lực và các nguồn lực khác để

phát triển nền kinh tế. Lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là lý luận về xây dựng một bộ máy hành chính khoa học cần phải được đầu tư hơn nữa nhằm tạo dựng một bộ máy công quyền khoa học, năng động. Chiến lược đó phải dựa trên cốt lõi là nền kinh tế tri thức trong mối tương tác chặt chẽ với quá trình toàn cầu hóa. Đây là một công việc không đơn giản, nó đòi hỏi sự trăn trở suy nghĩ từ mỗi người dân cho đến những người quản lý vĩ mô phải dồn mọi tâm lực để chấn hưng nền kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam hiện nay tốc độ giao dịch vẫn còn rất chậm, năng suất lao động thấp, thông tin kinh tế trong nước và thế giới còn rất thiếu, số người được đào tạo thì nhiều nhưng kiến thức hành xử công việc, khả năng dám chịu trách nhiệm, tính quyết đoán trong công việc vẫn chưa cao, nói một cách khác là nền giáo dục cần phải trang bị một cách tốt hơn nữa những kiến thức hữu dụng cho các thế hệ học sinh để họ bước vào đời một cách tự tin, bản lĩnh và xử lý công việc một cách hiệu quả hơn. Chúng ta cần phải có một cách nhìn mới về đầu tư vào kết cấu hạ tầng, ưu tiên nhiều hơn cho việc đầu tư vào các thư viện với hàng triệu các cuốn sách báo, tạp chí trong nước và

quốc tế từ cấp xã cho đến Trung ương để khai thác nguồn tài sản tri thức của nhân loại hơn là xây dựng các trụ sở quá khang trang, bàn ghế quá hiện đại, nhưng những cái nhìn nhân viên khô cứng và thiếu kiến thức; cần có một quy chế rõ ràng và chặt chẽ về việc bắt buộc các nhân viên ở các công sở, các sinh viên, các nhà nghiên cứu tự đọc, tự nghiên cứu các tài liệu tại văn phòng và tại các thư viện, đó là con đường tốt nhất để tự nâng cao kiến thức của toàn thể cộng đồng. Đầu tư cho hệ thống đường, trường, trạm, các chợ ở nông thôn và miền núi, đầu tư mở rộng các khu kinh tế ở các cửa khẩu biên giới, ưu tiên cho vay vốn để phát triển các trang trại ở miền núi, ở nông thôn, ven biển là hết sức cần thiết. Việc đầu tư mạnh mẽ cho khai thác thủy sản xa bờ và phát triển các tập đoàn vận tải lớn ở Việt Nam là một việc làm cấp bách. Đầu tư nhiều hơn cho việc xuất khẩu các hàng hoá nông sản và các hàng công nghiệp như dệt - may, các sản phẩm phân mềm vi tính... là hết sức cần thiết. Công nghiệp du lịch và một nền thể thao toàn dân cũng là một trong những hướng phải quan tâm nhiều hơn để tạo ra một sự thăng tiến đồng bộ của nền kinh tế. Xuất khẩu lao động sang các nước

Đông Bắc Á, Châu Phi và các nước khác cũng là một mũi nhọn mà chúng ta phải quan tâm thực sự...

Những thành tựu của các mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tiến tới năm 2020 và những năm tiếp theo tùy thuộc rất nhiều vào việc chúng ta phải hoạch định được một chiến lược cán bộ để có thể đáp ứng những đòi hỏi khắt khe của quá trình tăng trưởng kinh tế, xây dựng được một qui chế cất nhắc nhân tài và thực hiện tốt qui chế đó, tăng cường luân chuyển cán bộ, trân trọng người hiền tài ở mọi nơi, giúp cho người nghèo có công ăn việc làm, tăng cường xuất khẩu nhân lực có trình độ cao. Thực tế cho thấy số lượng những sinh viên của chúng ta được đào tạo đại học là tương đối đông; số lượng những nhà khoa học có trình độ tiến sỹ cũng không phải là ít nhưng do chúng ta chưa có một chính sách đãi ngộ thỏa đáng nên những nhân tài đó vẫn chỉ tập trung ở Hà Nội và một số đô thị, trong khi ở cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh ở hầu hết các địa phương trên cả nước vẫn thiếu vắng những người có trình độ đại học trở lên. Đã đến lúc chúng ta phải cải tiến chế độ đãi ngộ, phải có một chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho những

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

- 1- Trần Xuân Kiên: Nếu bạn muốn làm chủ doanh nghiệp.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 1992
- 2- Trần Xuân Kiên: Marketing - chìa khoá vàng trong kinh doanh.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 1994.
- 3- Trần Xuân Kiên: 100 mật pháp tạo vốn trong kinh doanh.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 1995.
- 4- Trần Xuân Kiên: Những nhà doanh nghiệp nổi tiếng ASEAN.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 1996.
- 5- Trần Xuân Kiên: Những con đường tạo vốn để lập nghiệp.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 1998.

- 6- Trần Nguyên Xuân: Để trở thành tỷ phú.
Nhà xuất bản Thống Kê, Hà Nội 1998.
- 7- Trần Xuân Kiên: Tích tụ và tập trung vốn
trong nước.
Nhà xuất bản Thống Kê, Hà Nội 1997.
- 8- Trần Xuân Kiên: Chiến lược huy động và sử
dụng vốn để phát triển công nghiệp.
Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội 1998
- 9- Trần Kiên: Chiến lược huy động vốn và phát
triển nguồn lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện
đại hóa (2 tập).
Nhà xuất bản Hà Nội 1999.
- 11- Trần Xuân Kiên: Dòng chảy của tiền lãi.
Nhà xuất bản Hà Nội 1998.
- 12- Trần Kiên: Bí quyết của những phụ nữ thành đạt.
Nhà xuất bản Hà Nội 2000.

Các sách chủ biên:

- 1- Bí quyết biến những khả năng tiềm ẩn thành tiền mặt.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 1996.
- 2- Làm giàu từ kinh tế trang trại.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 2000.
- 3- Hỏi đáp về chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 2001
- 4 - Chiến lược kinh doanh trong kinh tế tri thức.
Nhà xuất bản Hà Nội 2002.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04).9439364 - 8229413 . Fax: 04.9436024
Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III TP Hồ Chí Minh - ĐT: (08) 9303262

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM THẾ KỶ XXI

TS. TRẦN XUÂN KIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản: **MAI THỜI CHÍNH**

Chịu trách nhiệm bản thảo: **PHẠM ĐỨC**

Biên tập: **ĐẶNG QUANG VINH**

Bìa: **NGUYỄN TRÍ ĐỨC**

Sửa bài: **PHƯƠNG LAN - BÌNH MINH**

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty in Thống Nhất, Hà Nội
Số in: 183/TN. KHXB năm 2002. Đăng kí tại CXB số 91/1277-
QLXB ngày 31/10/2002. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2003